

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>2</b>
1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền.....	2
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của Vốn bằng tiền.....	2
1.1.1.1. Khái niệm Vốn bằng tiền .....	2
1.1.1.2. Đặc điểm của Vốn bằng tiền .....	2
1.1.2. Sự cần thiết và vai trò của Vốn bằng tiền .....	2
1.1.2.1 Vai trò của Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.2. Sự cần thiết của Vốn bằng tiền trong sản xuất kinh doanh.....	3
1.1.3. Kết cấu của Vốn bằng tiền .....	3
1.1.4. Phân loại Vốn bằng tiền: .....	3
1.1.5. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền.....	4
1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán Vốn bằng tiền.....	4
1.2. Hạch toán kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.....	5
1.2.1. Những nguyên tắc hạch toán Vốn bằng tiền.....	5
1.2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán Vốn bằng tiền.....	5
1.2.3. Các chứng từ, sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.....	5
1.2.3.1. Các chứng từ sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền .....	6
1.2.3.2. Các sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.....	6
1.2.4. Kế toán tiền mặt .....	7
1.2.4.1. Kế toán chi tiết tiền mặt .....	7
1.2.4.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt.....	12
1.2.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	16
1.2.5.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng .....	16
1.2.6. Kế toán tiền đang chuyển.....	26

<b>CHƯƠNG II:TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.....</b>	<b>29</b>
2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng. .	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng. ....	29
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng. ....	32
2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.	32
2.1.4.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.....	33
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.....	34
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận: .....	34
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.....	38
2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty.....	38
2.1.5.2. Nhiệm vụ từng bộ phận:.....	39
2.1.5.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty:.....	40
2.1.5.4. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty: .....	42
2.2. Tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.....	42
2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại Công ty. ....	42
2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt: .....	44
2.2.1.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt:.....	61
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng .....	62
2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng tại Công ty .....	64
2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng tại Công ty: .....	81
2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.....	82

<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.....</b>	<b>83</b>
3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại Công ty. ....	83
3.2. Nhận xét về công tác kế toán Vốn bằng tiền.....	84
3.2.1. Ưu điểm:.....	84
3.2.2. Hạn chế.....	86
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng. ....	87
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện: .....	87
3.3.2. Mục đích, yêu cầu hoàn thiện: .....	87
3.3.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng. ....	88
3.3.3.1. Hoàn thiện về chứng từ: .....	88
3.3.3.2. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển: .....	90
3.3.3.3. Về hình thức thanh toán: .....	90
3.3.3.4. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt:.....	90
3.3.3.5. Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán.....	93
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>94</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền giữ một vị trí hết sức quan trọng trong doanh nghiệp, nó là cơ sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại. Hạch toán Vốn bằng tiền cho biết số hiện có, tình hình biến động tăng giảm các loại Vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp phải chú trọng đến công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền vì nếu làm tốt công tác này sẽ giúp quản lý nắm được vốn của doanh nghiệp nói chung, vốn bằng tiền nói riêng của đơn vị mình, để có các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán Vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của mình là: ” Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài khoá luận của em gồm ba chương:  
Chương I: Lý luận chung về Vốn bằng tiền và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.

Trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu viết Khoá luận, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán Công ty cùng với sự chỉ bảo tận tình của thầy giáo hướng dẫn. Tuy nhiên do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên bài Khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý của các cán bộ phòng kế toán Công ty cùng các thầy cô để bài Khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2010  
Sinh viên

Nguyễn Thị Phương

## **CHƯƠNG I:**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền.**

##### **1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của Vốn bằng tiền.**

###### ***1.1.1.1. Khái niệm Vốn bằng tiền***

Trong nền kinh tế hiện đại ngày nay, khi đề cập đến tiền tệ người ta không nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta đã xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc; sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ ...nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt (TK111), Tiền gửi ngân hàng (TK112), Tiền đang chuyển (TK113). Với tính linh hoạt cao nhất - Vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí. Mỗi loại Vốn bằng tiền được sử dụng vào mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích.

###### ***1.1.1.2. Đặc điểm của Vốn bằng tiền***

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao nhất.
- Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí.

##### **1.1.2. Sự cần thiết và vai trò của Vốn bằng tiền**

###### ***1.1.2.1 Vai trò của Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.***

Trong quá trình sản xuất kinh doanh Vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những

nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó Vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

#### **1.1.2.2. Sự cần thiết của Vốn bằng tiền trong sản xuất kinh doanh**

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng Vốn bằng tiền nhất định. Nhờ có Vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó doanh nghiệp cần phải quản lý Vốn bằng tiền một cách thường xuyên và chặt chẽ.

#### **1.1.3. Kết cấu của Vốn bằng tiền**

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhóm tài khoản 11 - Vốn bằng tiền, gồm 3 tài khoản :

- TK 111 - Tiền mặt;
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng;
- TK 113 - Tiền đang chuyển;

#### **1.1.4. Phân loại Vốn bằng tiền:**

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp được phân loại theo các cách tiếp cận sau:

- ❖ Theo hình thức tồn tại Vốn bằng tiền của doanh nghiệp chia thành:
  - Tiền Việt Nam.
  - Ngoại tệ.
  - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.
- ❖ Theo trạng thái tồn tại, Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:
  - Tiền tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi trong tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

#### **1.1.5. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền.**

Công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong các doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Song song với việc tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, chúng ta cũng cần phải chú trọng việc quản lý Vốn bằng tiền một cách chặt chẽ, thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp, Vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác.

Việc quản lý Vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi Vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán Vốn bằng tiền.**

- » Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại Vốn bằng tiền.
- » Giám đốc việc thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- » Thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- » Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

» Phản ánh kịp thời các khoản tiền đang chuyển để tránh thất thoát.

» Thực hiện kịp thời công tác lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo yêu cầu quản lý.

## **1.2. Hạch toán kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Những nguyên tắc hạch toán Vốn bằng tiền.**

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa hai nhiệm vụ giữ tiền và lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.

- Ghi thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phải có chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hợp lý, hợp pháp.

- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng thương mại và Kho bạc nhà nước.

- Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phải thực hiện thường xuyên trong kỳ.

### **1.2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán Vốn bằng tiền**

1) Hạch toán Vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ Tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 112 hoặc TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 112 hoặc TK1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước - Xuất trước; Nhập sau - Xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).



Nhóm tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính ( Nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCB) hoặc phản ánh vào TK 431( Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các TK vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

3) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản Vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

### **1.2.3. Các chứng từ, sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.**

#### **1.2.3.1. Các chứng từ sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền**

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng.
- Giấy đề nghị thanh toán, Biên lai thu tiền.
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, Bảng kiểm kê quỹ.
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý), Bảng kê chi tiền...

#### **1.2.3.2. Các sổ sách sử dụng để hạch toán Vốn bằng tiền.**

- Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền

- Nhật ký chứng từ , Bảng kê
- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp chi tiết
- Sổ cái

#### **1.2.4. Kế toán tiền mặt**

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý....

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

##### **1.2.4.1. Kế toán chi tiết tiền mặt**

*a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam*

##### **➤ Nguyên tắc hạch toán:**

1. Chi phản ánh vào TK 111 “ Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.
2. Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
3. Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
4. Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời

điểm.

5. Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

➤ **Các chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (Hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu – chi.
- Phiếu thu (Hoặc phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.
- Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi phiếu thu (phiếu chi), số của từng phiếu thu (phiếu chi) phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán
- Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền...
- Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo

chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.

- “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a – DN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “Tia khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111 - Tiền mặt
- Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (đối với hình thức kế toán nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan....

*b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ.*

**➤ Các quy định chung:**

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.
- Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).
- Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra Đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007”Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).
- Việc quy đổi ra Đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:
  - Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng

Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

▪ Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

***Kết cấu tài khoản 007*** - Ngoại tệ các loại

Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

**❖ Hạch toán thu đổi với ngoại tệ**

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam.

**❖ Hạch toán chi đổi với ngoại tệ**

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

**❖ Thời điểm cuối năm tài chính**, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh (TK4131).

**Kết cấu tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá**

Bên Nợ : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá

Bên Có: + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các tài khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

*c.Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý:*

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK111(1113) . Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; Nhập trước,xuất trước; Nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng, bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng, bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

#### **1.2.4.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt**

##### **➤ Các quy định chung:**

- Hạch toán tiền mặt sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.
- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt
- Những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.
- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ

áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK111(1113) . Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

##### **➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

Kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng, bảng kê , nhật ký, sổ cái.

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế toán phân hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào Sổ quỹ tiền

mặt, Sổ cái và các Sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và các báo cáo kế toán khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

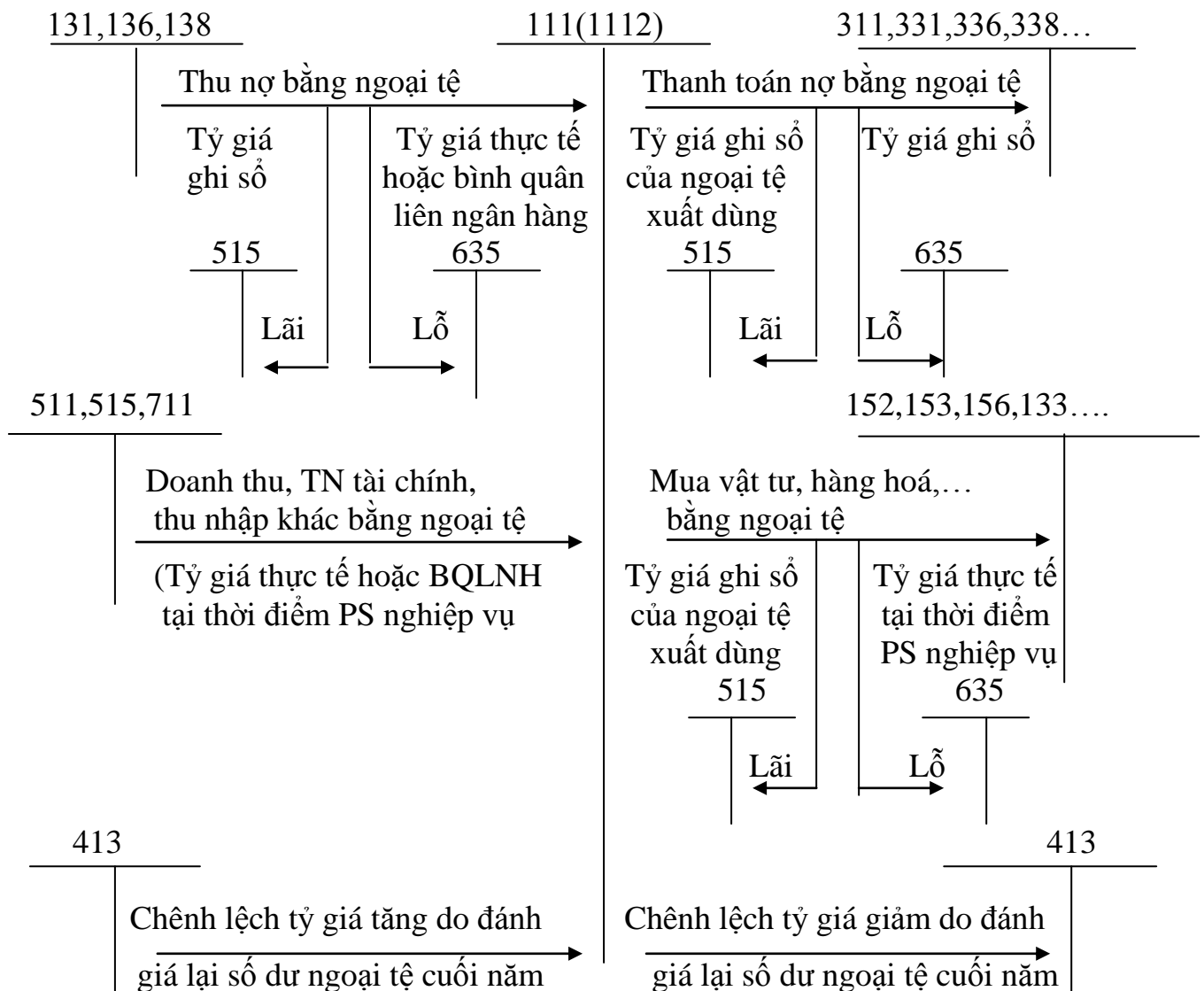
**Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:**

- *TK 1111 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- *TK1112 - Ngoại tệ :* Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *TK 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

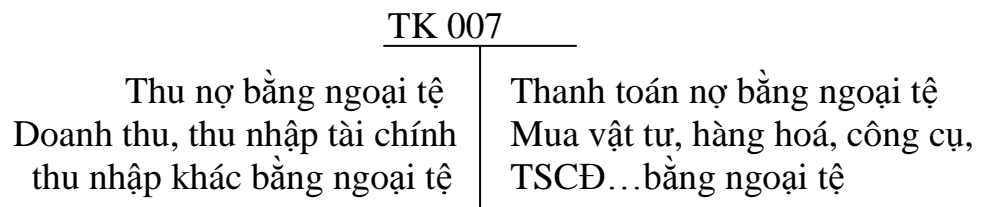




b. *Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ*  
 Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.2)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



**SƠ ĐỒ 1.2. KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)**

### **1.2.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng.**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

#### **1.2.5.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng**

##### **a. Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.**

###### **➤ Nguyên tắc hạch toán trên TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (TGNH)**

1. Căn cứ để hạch toán trên TK 112 "Tiền gửi ngân hàng" là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).
2. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 "Phải thu khác" (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 "Phải trả, phải nộp khác" (3388) (Nếu số liệu

của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3. Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).
4. Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

➤ **Chứng từ, sổ sách dùng để hạch toán chi tiết tiền gửi ngân hàng:**

- ✓ Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của ngân hàng.
- ✓ Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo

chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

✓ Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ (S31 – DN), Sổ chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng...

**b. Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ**

➤ **Nguyên tắc hạch toán:**

1. Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

2. Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây

dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (TK4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK007.

4. Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động SXKD vào TK 4131.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ (S32 – DN), Sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33 – DN),...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Các TK có liên quan đ- ợc sử dụng trong hạch toán tỷ giá ngoại tệ là:

- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính
- TK 515 : Thu nhập từ hoạt động tài chính
- TK 413 : Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sau đây là phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

\* **Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ**

- Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư- xây dựng cơ bản của doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh.

**Khi mua hàng hoá, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ**

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 627... (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch )

Nợ TK 133 (Thuế GTGT của hàng hoá mua vào)

Nợ TK 635 Chi phí tài chính ( Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 1112,1122 ( Theo tỷ giá hối đoái ghi sổ)

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 627... (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch )

Nợ TK 133 (Thuế GTGT của hàng hoá mua vào)

Có TK 1112, 1122 ( Theo tỷ giá hối đoái ghi sổ)

Có TK 515 Thu nhập tài chính ( Lãi tỷ giá hối đoái)

Khi nhận hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp hoặc khi vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn, hoặc nhận nợ nội bộ... bằng ngoại tệ căn cứ vào tỷ giá thực tế ngày giao dịch ghi

Nợ các TK 1112, 1122 (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 331, 311, 341, 342, 336...(Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

**Khi thanh toán nợ phải trả** ( ng- ời bán, nợ vay ngắn hạn vay dài hạn, nợ dài hạn, hoặc nhận nợ nội bộ...)

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thực tế nợ phải trả ghi

Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342 ( Tỷ giá thực tế ghi sổ)

Nợ TK 635 Chi phí tài chính ( Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 1112, 1122 ( Tỷ giá hối đoái ghi sổ)

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thực tế nợ phải trả ghi:

Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342 ( Tỷ giá thực tế ghi sổ)

Có TK 1112, 1122 ( Tỷ giá hối đoái ghi sổ)

Có TK 515 Thu nhập tài chính ( Lãi tỷ giá hối đoái)

**Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác**, bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán ghi:

Nợ các TK 1112, 1122.. ( Tỷ giá hối đoái bình quân liên Ngân Hàng)

Có các TK 511, 711 ( Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế bình quân liên Ngân Hàng )

**Khi phát sinh các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ ghi:**

Nợ các TK 136, 138 ( Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 Chi phí tài chính ( Nếu lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 1112, 1122 (Tỷ giá hối đoái ghi sổ)

Có TK 515 Doanh thu hoạt động tài chính nếu lãi

**Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ**

+ Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thực tế nợ phải thu ghi

Nợ TK 1112, 1122 ( Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 Chi phí tài chính ( Lỗi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131, 136, 138 ( Tỷ giá ghi sổ )

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thực tế nợ phải thu ghi

Nợ TK 1112, 1122 ( Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch )

Có TK 131, 136, 138 ( Tỷ giá ghi sổ )

Có TK 515 Doanh thu tài chính ( Lãi tỷ giá hối đoái )

**\* Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm**

Ở thời điểm cuối năm tài chính doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái

Nợ các TK 1112, 1122, 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341, 342

Có TK 413 (4131) chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

+ Nếu phát sinh lỗi tỷ giá hối đoái ghi:

Nợ TK 413 (4131) chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

Có TK 1112, 1122, 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341, 342

- Kết chuyển toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại (theo số thuần sau khi bù trừ số phát sinh bên Nợ và bên Có của TK 413) vào chi phí tài chính (nếu lỗ), hoặc doanh thu tài chính (nếu lãi) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



### **Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng.**

#### **➤ Các quy định chung**

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 "Tiền gửi ngân hàng" là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...), bảng kê, nhật ký, sổ cái.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK635 "Chi phí tài chính" (Lỗ tỷ giá)

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" (TK4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doang nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động SXKD vào TK 4131.

#### **➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

✓ Giấy báo Nợ, giấy báo Có, bản sao kê, lệnh chuyển Có, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi...

✓ Các Bảng kê, Nhật ký chứng từ, Sổ cái và các sổ tổng hợp liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên TK 112 – TGNH. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

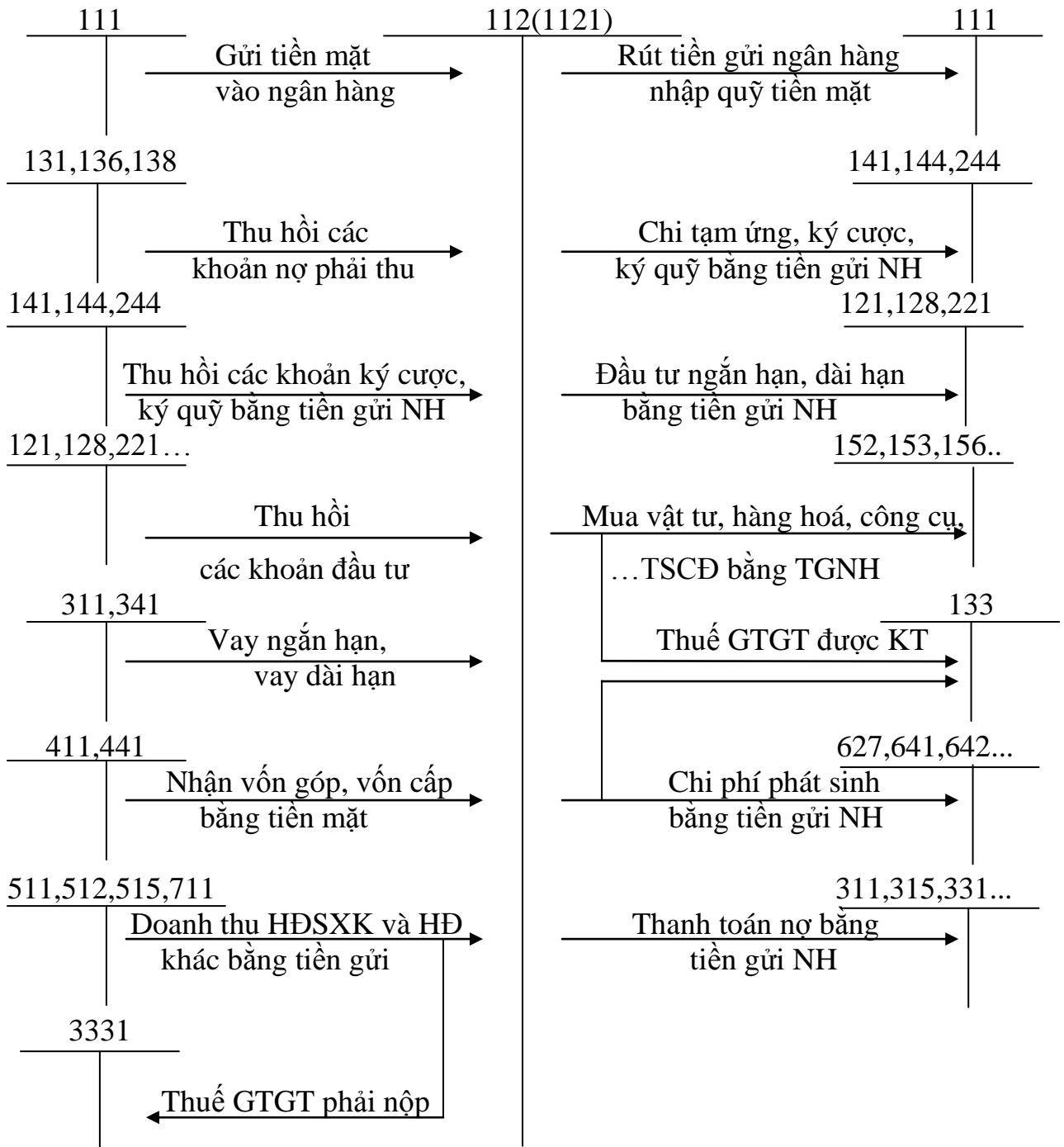
Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1123 – Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại ngân hàng.

➤ **Sơ đồ hạch toán:**

**a. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam**

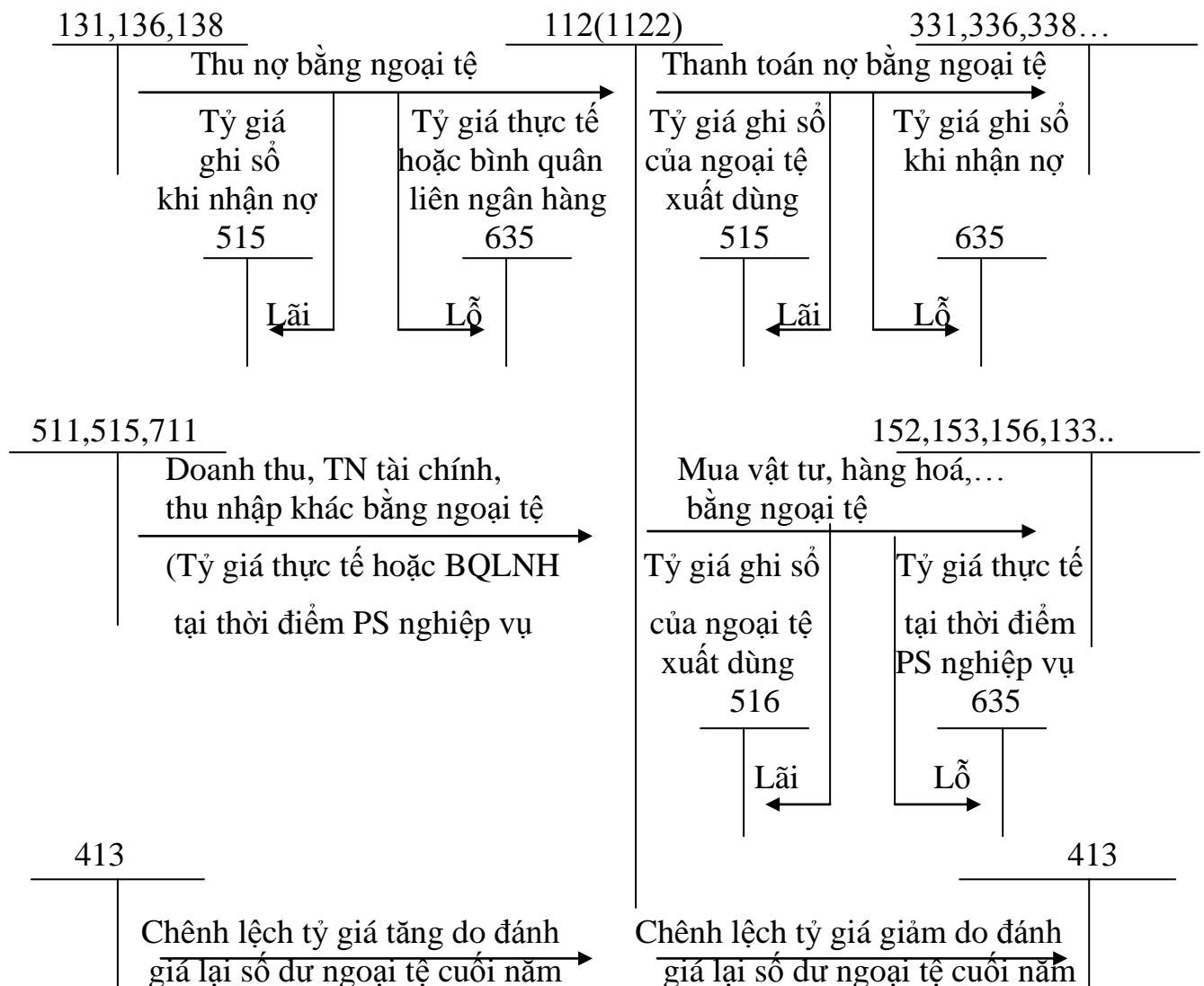
Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.3)



**SƠ ĐỒ 1.3. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VNĐ)**

**b. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ:**

Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.4)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

<u>TK 007</u>	
Thu nợ bằng ngoại tệ Doanh thu, thu nhập tài chính thu nhập khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ Mua vật tư, hàng hoá, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

**SƠ ĐỒ 1.4. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)**

### **1.2.6. Kế toán tiền đang chuyển**

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay Bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- » Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng;
- » Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- » Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước)

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc;
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

➤ Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 “ Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo Có;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

**Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:**

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam*: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- *Tài khoản 1132 - ngoại tệ*: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

➤ Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, Kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay Bản sao kê của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

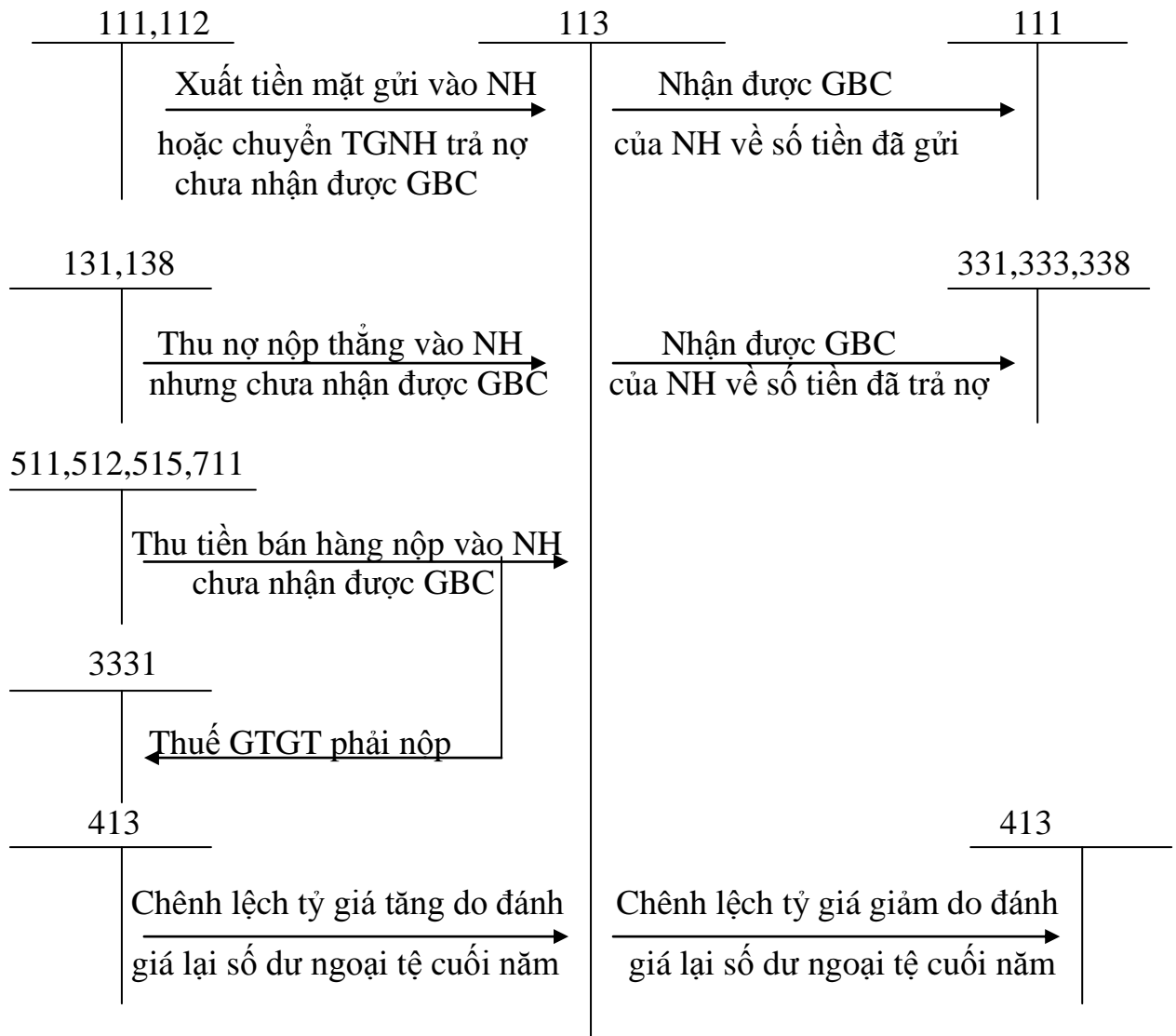
- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

➤ **Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển:**

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.5)



**SƠ ĐỒ 1.5. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN**

## CHƯƠNG II:

### TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG.

#### 2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.

Tên giao dịch đối ngoại: Hai Phong chemical and electrical joint stock company

- Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: Cemaco Hai Phong

Đăng ký tài khoản giao dịch tại:

+ ) Ngân hàng Thương Mại cổ phần ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.

+ ) Ngân hàng Eximbank chi nhánh Hải Phòng

+ ) Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng

- Trụ sở chính công ty đặt tại số 20 – Lê Quỳnh - Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng.

- Trụ sở chi nhánh của công ty đặt tại Hà Nội.

\*) *Giai đoạn từ năm 1970 đến năm 1986*

Tiền thân Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải phòng là công ty Hoá chất vật liệu điện Hải phòng được thành lập từ năm 1970 của thế kỷ 20, trực thuộc Bộ vật tư. Công ty hoạt động đến năm 1979 thì chia tách sát nhập vào công ty tiếp nhận và vận tải Hải Phòng và liên hiệp cung ứng vận tải liên hiệp III thuộc Bộ Vật tư.

Đây là cả một thời kỳ dài nền kinh tế cả nước vận hành theo cơ chế bao cấp nên chức năng , nhiệm vụ của công ty đơn thuần là nhận nhiệm vụ Tổng công ty giao cho tiếp nhận hàng hoá vật tư qua cảng Hải phòng, sau đó vận chuyển đến các đơn vị khác thuộc các tỉnh Bắc bộ. Mặt khác công ty được phép cấp vật tư cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh khác.



*\*) Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2004*

Mô hình tổ chức của công ty thời kỳ này là các đơn vị trực tiếp kinh doanh sản xuất nhiều, các đơn vị gián tiếp giảm hẳn.

Từ 5/1993 công ty Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng trực thuộc Tổng công ty Hoá chất vật liệu điện và dụng cụ cơ khí, Bộ Thương Mại đến hết năm 1995. Sau khi Tổng công ty Hoá chất vật liệu điện và dụng cụ cơ khí giải thể, công ty Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng là đơn vị thuộc Bộ thương Mại quản lý trực tiếp và tồn tại đến khi thực hiện cổ phần hoá vào thời điểm 3/2004.

Đây là thời gian công ty hoạt động tự do theo cơ chế thị trường, cọ sát với sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong toàn quốc, từng bước trưởng thành và đứng vững trên thương trường. Hoạt động của công ty đã mở rộng trong toàn quốc với giấy phép kinh doanh được Bộ Thương Mại cấp là hoạt động xuất nhập khẩu, kinh doanh vật tư, hàng hoá theo danh mục nhà nước cho phép.

Mô hình hoạt động trong thời gian này có nhiều đổi mới. Giải tán các xí nghiệp thành phần, thành lập các cửa hàng, các chi nhánh, hoạt động theo quy chế công ty ban hành được ban giám đốc công ty chỉ đạo trực tiếp nhằm thâm nhập sâu vào thị trường trong nước và nước ngoài.

*\*) Giai đoạn từ 2004 đến nay.*

Ngày 02/03/2004 Đại hội cổ đông thành lập công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng được tiến hành thành công tốt đẹp và từ ngày 22/03/2004 công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động theo luật doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp. Đây là bước ngoặt quan trọng trong quá trình hoạt động của công ty từ ngày thành lập qua bao biến đổi cơ cấu về tổ chức. Đến nay công ty đã chấm dứt mấy chục năm là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế bao cấp chuyển hẳn sang công ty cổ phần với chủ sở hữu vốn là tư nhân (vốn điều lệ là do cổ đông đóng góp) hoạt động theo luật doanh nghiệp, tự thân vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của đảng và nhà nước.

**Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong những năm qua.**

**Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty qua 3 năm**

Chỉ tiêu	Năm ĐVT :(đồng)		
	2007	2008	2009
DT bán hàng,cung cấp DV	258.431.274.564	281.785.540.812	152.815.107.726
Chi phí quản lý	2.008.622.252	2.363.458.254	2.470.823.435
Chi phí bán hàng	3.020.500.285	4.555.208.961	5.223.149.695
Thu tài chính	2.270.582.000	1.219.483.156	991.831.874
Chi tài chính	4.585.000.953	7.610.568.842	4.463.435.411
Chi khác	445.269.325	6.059.957	1.389.985
Thu khác	1.035.852.184	375.125.832	2.533.225.605
LN trước thuế	3.416.625.013	-459.632.852	- 628.319.123
Tổng tài sản	102.112.838.185	87.260.256.351	87.261.661.899

Qua bảng tổng hợp các chỉ tiêu trên ta có thể đưa ra một số nhận xét sau:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần hoá chất vật liệu điện ở năm 2007 công ty hoạt động rất tốt và đem lại hiệu quả cao. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2008 tăng 23.354.266.248 đồng (9.04%) so với năm 2007. Đối với năm 2008 - 2009 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu công ty mặc dù với quy mô vừa và nhỏ nhưng lại phải đương đầu với những khó khăn rất lớn. Đặc thù của công ty là hoạt động thương mại chuyên nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài và hàng hoá gia công sản xuất ra cũng trực tiếp xuất khẩu. Nên năm 2008 lợi nhuận trước thuế của công ty giảm mạnh, năm 2009 tiếp tục bị thua lỗ, công ty gặp khó khăn lên cổ tức chi trả bằng không, tuy thua lỗ do khách quan mang lại nhưng trong hội đồng quản trị và ban lãnh đạo công ty vẫn giữ vững niềm tin, động viên quan tâm sâu sát đến người lao động. Năng động sáng tạo, tìm kiếm được nhiều đơn hàng, bạn hàng mới. Điều đó cho thấy công ty đã có triển vọng tốt trong năm

### **2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

- Kinh doanh hoá chất vật liệu điện, dụng cụ cơ khí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng công nghiệp tiêu dùng.
- Kinh doanh gỗ cao su, cao su, nông lâm sản đã qua chế biến.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá trong nước và xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi.
- Sản xuất gia công giấy xuất khẩu.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành

### **2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

#### a. Đặc điểm hoạt động sản xuất.

Nhiều năm nay công ty sản xuất hàng vàng mã xuất sang thị trường Đài Loan với tổng số lượng là 28.500 tấn sản phẩm ( bình quân hàng năm khoảng 5700 tấn/năm ). Tuy nhiên do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế cuối 2008 đầu 2009 và sự thay đổi trong chính sách nước bạn hàng nên khối lượng giấy xuất khẩu năm 2009 đã sụt giảm mạnh làm cho doanh thu chung của năm 2009 cũng giảm mạnh.

Công tác sản xuất đem lại lợi nhuận lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty . Mặt khác nó không chỉ giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động phổ thông của địa phương mà còn đem lại nguồn ngoại tệ đáng kể hỗ trợ cho nguồn vốn nhập khẩu.

#### b. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh của công ty phần lớn là nhập khẩu các hoá chất cơ bản , nhựa nguyên sinh các loại để bán cho các đơn vị có nhu cầu trên thị trường trong nước. bên cạnh đó các đơn vị kinh doanh khai thác nguồn hàng nội địa đa dạng hoá mặt hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ , tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

Thông thường hàng năm công ty nhập khẩu hàng hoá đạt kim ngạch khoảng 4 – 6 triệu USD

Trong 5 năm qua, hoạt động kinh doanh của công ty đã bám sát thị trường trong nước và khu vực do đó công ty đã được những kết quả nhất định, không những duy trì được quan hệ làm ăn với những bạn hàng truyền thống mà còn từng bước mở rộng thị trường.

c. Đặc điểm hoạt động dịch vụ.

Với lợi thế có cảng Hải Phòng tại công ty có cơ sở vật chất tương đối lớn nên hoạt động dịch vụ có nhiều thuận lợi. Hoạt động dịch vụ tập trung vào dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hoá, dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan và cho thuê kho bãi. Đây là hoạt động đem lại nguồn lợi nhuận tương đối ổn định hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh sản xuất mà không cần dùng vốn lưu động lớn.

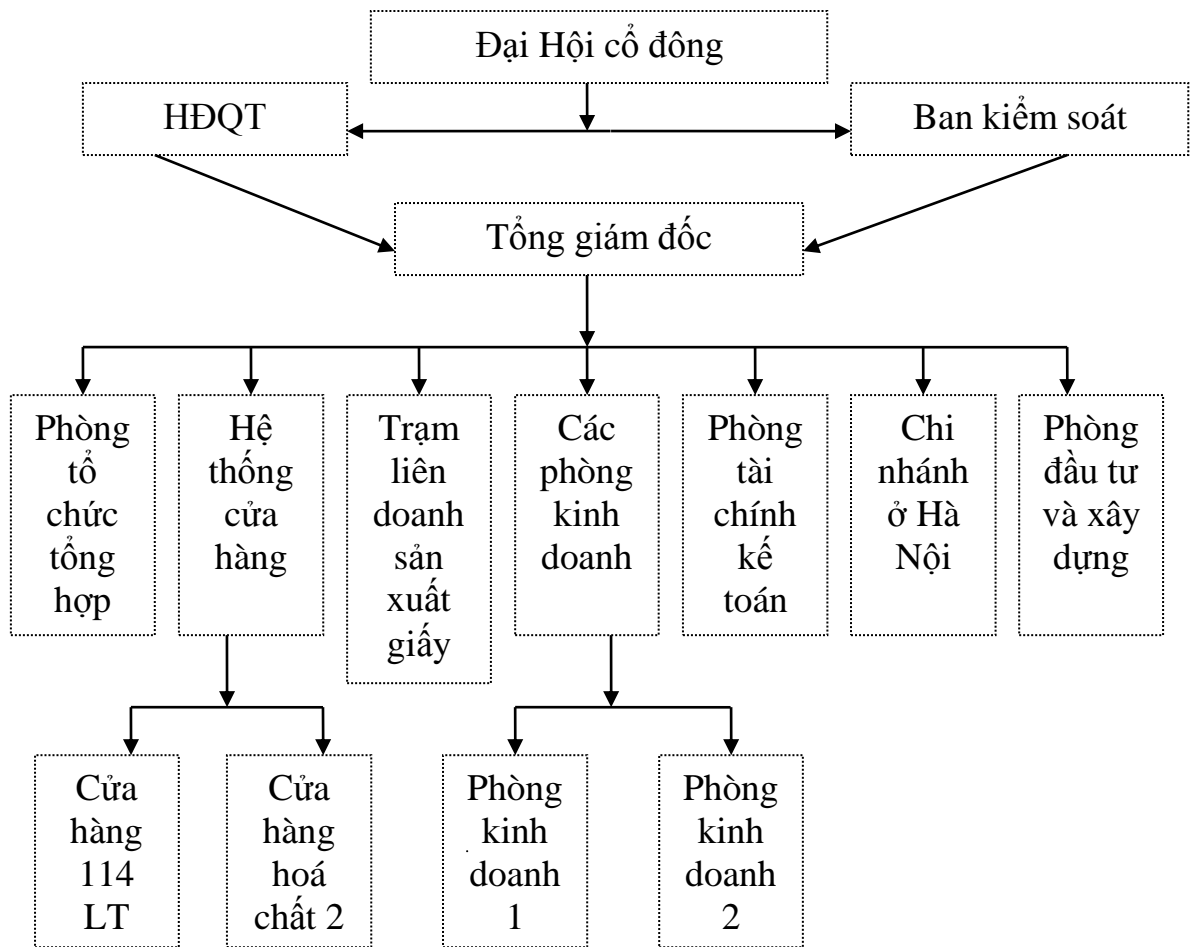
Khối dịch vụ của công ty hoạt động tương đối toàn diện và ổn định từ năm 2004 cho đến nay , tập trung tại khu 114 Lạch Tray và khu vực kho Đoàn Xá. Các dịch vụ lữ hành, vận tải, kho ngoại quan có mang lại lợi nhuận nhưng còn khiêm tốn chưa phát huy hết thế mạnh sẵn có. Riêng dịch vụ cho thuê bến bãi là có hiệu quả cao và sẽ rất ổn định do cơ sở vật chất được công ty đầu tư tốt.

**2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

**2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng**

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Công ty xây dựng theo cơ cấu quản lý tổ chức điều hành theo hệ trực tuyến chức năng, cơ cấu tổ chức quản lý tương đối gọn nhẹ, hợp lý.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG CÁC PHÒNG BAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG



### SƠ ĐỒ 2.1. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

#### 2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận:

##### \* Đại hội đồng cổ đông.

Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông. Mọi hoạt động của công ty đều phải tuân thủ theo điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và bổ sung hàng năm theo tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, các phương án phân phối lợi nhuận. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị công ty giữa 2 kỳ đại hội, bầu ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**\* Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm thay mặt các cổ đông để quản lý công ty. Người đại diện là chủ tịch hội đồng quản trị được bầu ra từ số các thành viên của hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty đồng thời có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông về những vi phạm điều lệ công ty, sai phạm theo luật doanh nghiệp gây thiệt hại cho công ty.

**\* Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu ra có quyền kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Cụ thể là kiểm tra tính hợp pháp, tính chính xác trong các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, thẩm tra từng vấn đề cụ thể có liên quan đến quản trị khi xét thấy cần thiết.

**\* Tổng giám đốc công ty.**

Tổng giám đốc nắm quyền điều hành công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và luật doanh nghiệp. Các kế hoạch kinh doanh, sản xuất hàng năm do ban giám đốc xây dựng và chỉ được thực hiện khi đã được Hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua với những chỉ tiêu cơ bản như doanh số, lợi nhuận, cổ tức, tổng quỹ lương.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật, các cơ quan chức năng và trước khách hàng về mọi hoạt động của công ty.

Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của công ty và thực hiện các công việc cần thiết có hiệu quả cho việc quản trị nhân sự.

**\* Văn phòng công ty.**

- Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác : Văn thư, lưu trữ, công tác hành chính quản trị, quản lý thiết bị văn phòng.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức quản lý, lưu trữ công văn, giấy tờ ( công văn đến và đi ) phục vụ công tác đối nội đối ngoại.

+ Tổ chức thực hiện quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của chính phủ và hướng dẫn của Bộ Công An.

- + Quản lý chặt chẽ hệ thống thông tin liên lạc và trang thiết bị văn phòng.
- + Tổ chức và chuẩn bị cơ sở vật chất cho các cuộc họp , hội nghị. Bố trí nơi ở và làm việc cho CB – CNV và khách đến giao dịch công tác

**\* Phòng tổ chức – Tổng hợp.**

- Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực: Tổ chức, tiền lương , nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với CB – CNV trong công ty.

- Nhiệm vụ :

+ Về công tác tổ chức:

- Tham mưu cho lãnh đạo công ty xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh (SXKD), chức năng , nhiệm vụ, mối quan hệ làm việc của các đơn vị trong công ty.

- Tham mưu cho lãnh đạo công ty tiến hành phân cấp, phân công quản lý tổ chức , lao động và đào tạo bồi dưỡng CB – CNV.

- Xây dựng điều lệ, quy chế, tổ chức hoạt động của toàn công ty.

+ Về công tác tiền lương:

- Xây dựng kế hoạch lao động tiền lương hàng năm trình Tổng giám đốc công ty duyệt và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức xây dựng định mức lao động tổng hợp trình Tổng giám đốc duyệt và công bố định mức lao động chi tiết.

- Tham mưu về quy chế phân phối thu nhập, đảm bảo đúng chính sách tiền lương làm đòn bẩy kích thích việc tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng quy hoạch kế hoạch tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân trong toàn công ty.

- Quản lý chặt chẽ về số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công nhân trong công ty. Xây dựng quy trình để bổ nhiệm, nâng lương, nâng bậc, khen thưởng , kỷ luật, quản lý hồ sơ cán bộ.

- Thực hiện thu nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế , tai nạn lao động. Đề xuất giải quyết chế độ chính sách đối với CB – CNV đủ tiêu chuẩn về

huru, chuyển công tác.

- Thanh kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực được giao.

**\* Phòng kế toán tài chính:**

- Chức năng : Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán.

- Nhiệm vụ :

+ Tham mưu cho giám đốc trong việc quản lý tài chính của công ty, chiến lược huy động vốn, biện pháp phát huy hiệu quả vốn. Quản lý tài sản của công ty.

+ Hạch toán giá thành, thu chi tài chính của công ty.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc chế độ kế toán của nhà nước về quản lý tài chính trên cơ sở ghi chép chứng từ sổ sách thường xuyên liên tục.

+ Cuối tháng phòng kế toán phải có trách nhiệm quyết toán và lập báo cáo tài chính đúng theo thời gian quy định. Phân tích tài chính để báo cáo cho giám đốc và kết hợp thường xuyên với các phòng ban theo dõi chặt chẽ về tài sản, tiền vốn của công ty, tránh hiện tượng thất thoát về tài chính, luôn chủ động tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

+ Cân đối và tính toán để trả lương kịp thời cho cán bộ công nhân viên.

**\* Khối kinh doanh , sản xuất và dịch vụ.**

+ Các đơn vị trực tiếp kinh doanh , sản xuất và dịch vụ được chỉ đạo trực tiếp từ ban giám đốc với sự tư vấn, kiểm tra, giám sát của các phòng nghiệp vụ trên công ty. Các đơn vị này có mối quan hệ ngang bằng nhau, độc lập trong công việc nhưng cũng hỗ trợ nhau về thông tin thị trường, giá cả, hàng hoá vật tư, mua bán hàng hoá với nhau trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

+ Các đơn vị kinh doanh, sản xuất và dịch vụ hoạt động trên nguyên tắc lời ăn, lỗ chịu. Hằng năm, các đơn vị được công ty giao kế hoạch về doanh số, lợi nhuận. Trong hoạt động tự lo các khoản chi phí thích hợp để thực hiện kế hoạch được giao.

+ Đơn vị nào thua lỗ phải chịu trách nhiệm vật chất đến cùng, phải bồi hoàn vốn cho cổ đông. Công ty có trách nhiệm đáp ứng đủ vốn và kịp thời khi các đơn vị yêu cầu thông qua phương án đề xuất.



**\* Chi nhánh:**

- Chi nhánh hoạt động chủ yếu về kinh doanh mua bán hạt nhựa và cao su nguyên sinh trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

- Được giao khoán hàng năm và hạch toán độc lập, hàng tháng gửi báo cáo về công ty.

- Được công ty hỗ trợ về vốn khi có đề xuất, và chịu sự kiểm soát nội bộ của công ty.

**2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

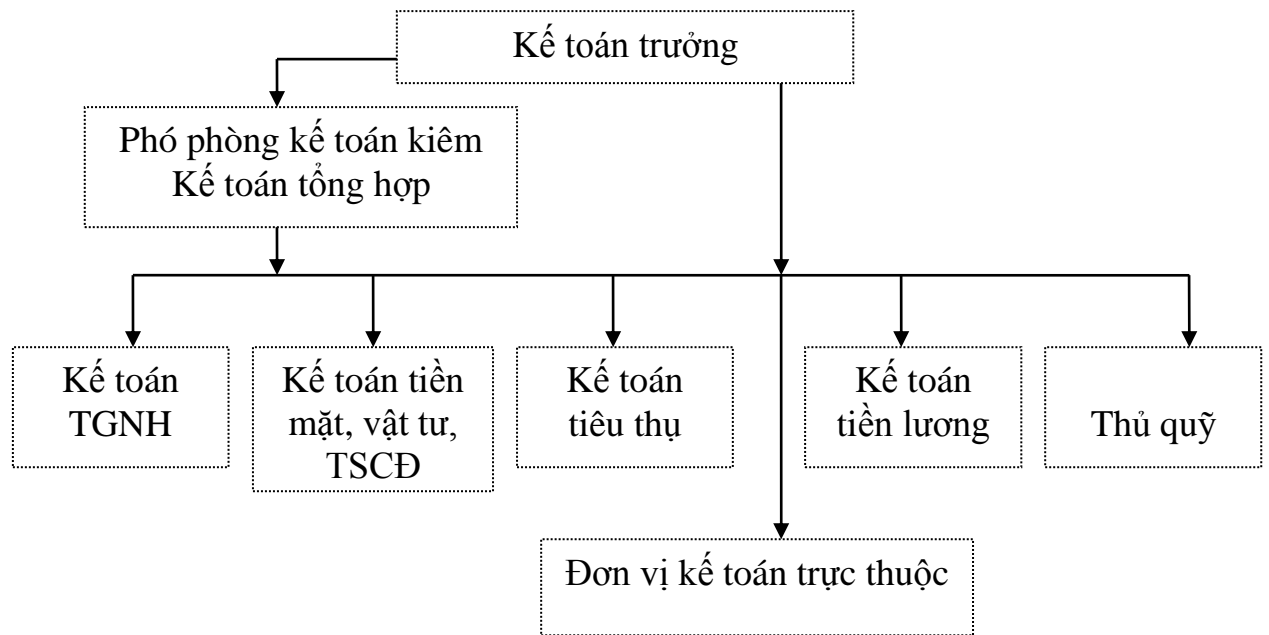
**2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty**

Để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kinh tế Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán cụ thể như sau:

Tại phòng kế toán ở Công ty chứng từ được tập hợp và xử lý, vào hệ thống sổ sách, hệ thống báo cáo tài chính định kỳ, hệ thống báo cáo nhanh, theo quyết định của Nhà nước và yêu cầu quản lý của Công ty

Tại các đơn vị trực thuộc (trừ chi nhánh ở Hà Nội), có các kế toán viên trực tiếp thu thập chứng từ ban đầu vào sổ sách hạch toán nghiệp vụ của đơn vị và chuyển toàn bộ chứng từ về phòng kế toán Công ty để xử lý và ghi sổ sách kế toán.

Chi nhánh là đơn vị hạch toán kế toán độc lập, hàng tháng gửi báo cáo về công ty. Được công ty hỗ trợ về vốn khi có đề xuất, và chịu sự kiểm soát nội bộ của công ty.



## **SƠ ĐỒ 2.2. MÔ HÌNH BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**

### **2.1.5.2. Nhiệm vụ từng bộ phận:**

✦ **Kế toán trưởng:** Là người chỉ đạo trực tiếp về công tác kế toán đối với bộ phận kế toán công ty, có nhiệm vụ phân công giao nhiệm vụ và kiểm tra chất lượng hoàn thành, chất lượng công việc của từng người trong phòng. Tham mưu cho giám đốc trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh, ký kết các hợp đồng kinh tế, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành và chịu trách nhiệm về số liệu kế toán trước lãnh đạo cấp trên.

✦ **Phó phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp** tập hợp các số liệu từ các phân hành kế toán khác để vào sổ cái, lên biểu mẫu báo cáo quyết toán và xác định kết quả tài chính. Theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tình hình tăng giảm nguồn vốn. Phó phòng kế toán có quyền giải quyết các công việc của Kế toán trưởng khi Kế toán trưởng vắng mặt đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu cho Kế toán trưởng về công tác kế toán.

✦ **Kế toán tiền gửi ngân hàng:** Kế toán tiền gửi ngân hàng theo dõi việc thu – chi tiền gửi ngân hàng tại công ty, theo dõi tình hình vay nợ ngân hàng, vay công nhân viên chức.

✘ **Kế toán tiêu thụ:** Chịu trách nhiệm tính toán xác định kết quả sản xuất kinh doanh chính xác. Theo dõi chặt chẽ tình hình nợ phải thu khách hàng để kịp thời đôn đốc thu hồi nợ.

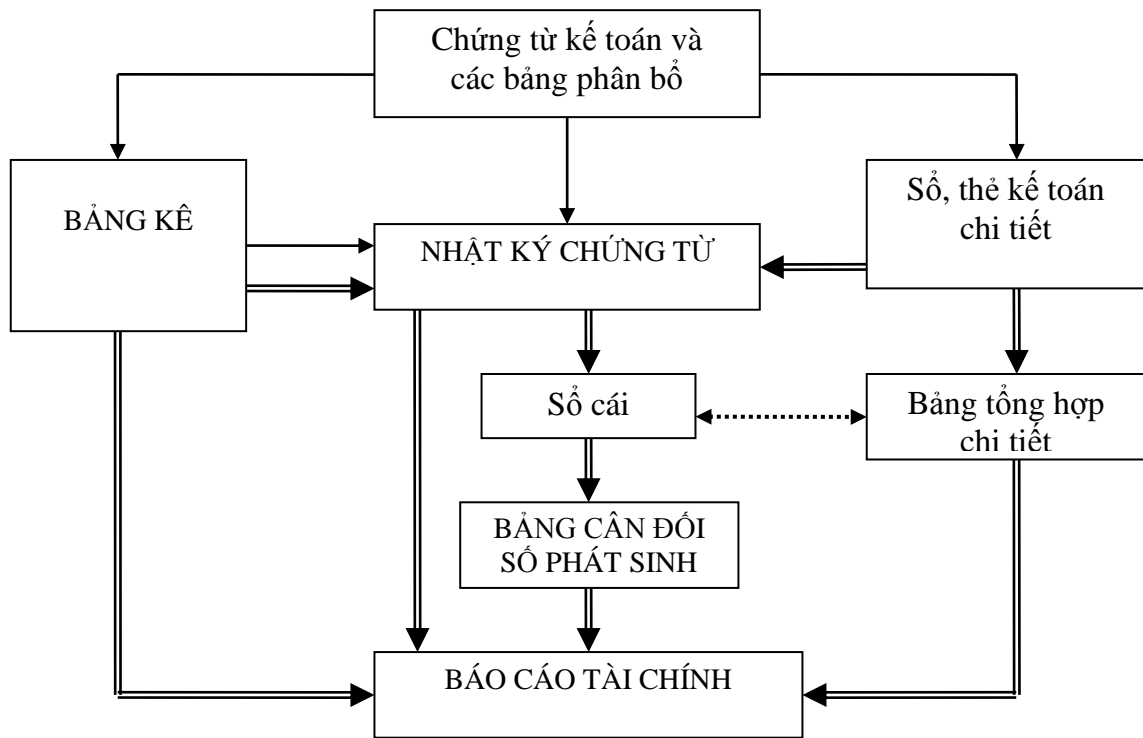
✘ **Kế toán tiền lương:** Tính lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ cho CBCNV, thanh toán lương cho các đối tượng có liên quan khác.

✘ **Thủ quỹ:** Theo dõi và đảm bảo tiền mặt ở công ty, phụ trách các khoản thu- chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ theo dõi và phản ánh việc cấp phát và nhận tiền vào sổ quỹ. Thủ quỹ phải thường xuyên so sánh, đối chiếu tình hình tồn quỹ tiền mặt ở công ty với sổ sách có liên quan để kịp thời phát hiện những sai lệch.

✘ **Đơn vị kế toán trực thuộc** có bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập, cuối kỳ gửi báo cáo về phòng kế toán Công ty để lập báo cáo chung cho toàn Công ty.

#### **2.1.5.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty:**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý và thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chứng từ của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.3)



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Quan hệ đối chiếu

### **SƠ ĐỒ 2.3. QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ**

- Hàng ngày , từ các chứng từ kế toán và các bảng phân bổ, kế toán vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ , đồng thời lập sổ và thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng, từ Sổ hoặc thẻ kế toán, lập Bảng kê và căn cứ vào các Bảng kê và Sổ chi tiết, kế toán lập Nhật ký chứng từ.
- Đồng thời , tại thời điểm cuối tháng , kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để vào Sổ cái tài khoản, tổng hợp số liệu từ sổ và thẻ kế toán chi tiết để vào bảng tổng hợp chi tiết.
- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán còn tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ cái tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối quý , tổng hợp số liệu từ các Bảng kê, Nhật ký chứng từ, Sổ cái vào Báo cáo tài chính.

**\*Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ** gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

#### **2.1.5.4. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:**

Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng là một doanh nghiệp hạch toán độc lập. Công ty hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để tính giá trị hao mòn của tài sản cố định, tỷ lệ khấu hao được xác định căn cứ theo quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của BTC, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

## **2.2. Tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

Vốn bằng tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng. Trong các báo cáo Vốn bằng tiền, Công ty sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.

### **2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại Công ty.**

Tiền mặt là số Vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của Công ty. Công ty không phát sinh về ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

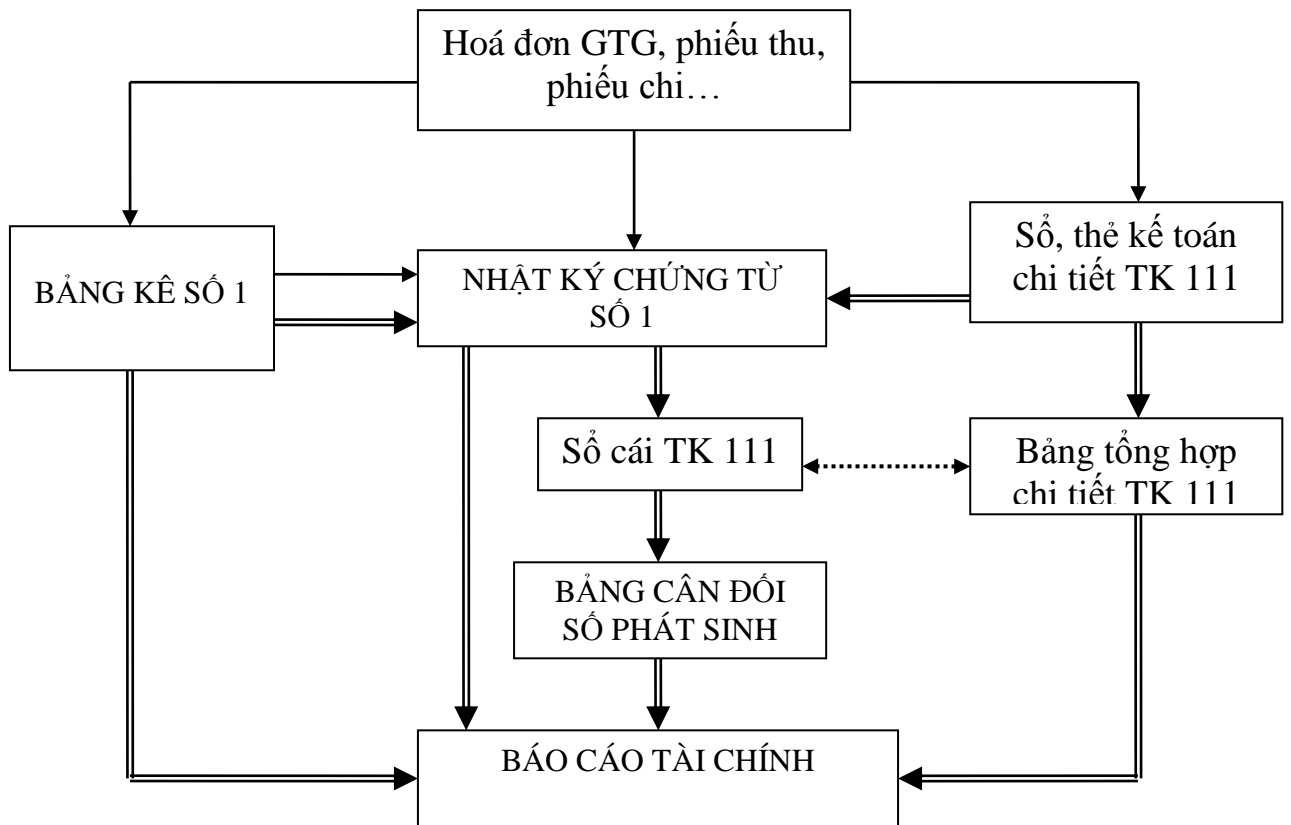
Thủ quỹ đảm nhận việc thu, chi tiền mặt tại quỹ của Công ty. Khi phát

sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2 nhưng Công ty chỉ sử dụng một tài khoản cấp 2: TK 1111: Tiền Việt Nam tại quỹ

➤ Các chứng từ và sổ sách sử dụng:

- Phiếu thu.
  - Phiếu chi
  - Hoá đơn GTGT
  - Giấy nộp tiền
  - Giấy đề nghị tạm ứng
  - Giấy thanh toán tiền tạm ứng
  - Biên lai thu tiền
  - Sổ quỹ tiền mặt
  - Sổ chi tiết quỹ tiền mặt
  - Nhật ký chứng từ số 1
  - Bảng kê số 1
  - Sổ cái TK 111
  - Các sổ kế toán tổng hợp liên quan
- Quy trình hạch toán:



**SƠ ĐỒ 2.4. QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN MẶT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**

- Căn cứ vào các chứng từ thu chi hàng ngày thủ quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt đồng thời kế toán theo dõi thu chi vào Sổ chi tiết tài khoản tiền mặt. Đến cuối tháng thủ quỹ và kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư.
- Sau khi nên Sổ chi tiết kế toán cộng phát sinh hàng ngày và cuối tháng vào Bảng kê số 1 từng ngày theo hàng ngang và tài khoản theo hàng dọc tương ứng. Tương tự như vậy cho Nhật ký chứng từ số 1.
- Sau khi vào xong Bảng kê và Nhật ký chứng từ số 1 kế toán vào Sổ cái TK 111
- Căn cứ Sổ cái, kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh rồi vào Báo cáo tài chính.

#### **2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt:**

##### **a. Kế toán nghiệp vụ chi tiền mặt tại quỹ:**

Các nguồn chi chủ yếu của Công ty bao gồm:

- ✓ Chi tạm ứng

- ✓ Chi mua vật tư, tài sản, hàng hoá, công cụ dụng cụ,
- ✓ Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên.
- ✓ Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng.
- ✓ Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước.
- ✓ Các khoản chi khác...

**VD1:** Ngày 30/12/2009 Lâm Thị Tâm đề nghị thanh toán tiền mua mực in theo hoá đơn GTGT số 0065124. Tổng số tiền thanh toán là 798.000 thuế suất GTGT 5%.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu số 2.2.1) và giấy đề nghị thanh toán (2.2.2) kế toán lập phiếu chi (Biểu số 2.2.3)
- Từ hoá đơn GTGT và phiếu chi, kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt (Biểu số 2.2.10), Sổ quỹ (Biểu 2.2.11)
- Từ các phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào NKCT số1(Biểu 2.2.12)
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 1, ghi sổ cái TK 111(Biểu 2.2.14)
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.



4225852

152603

8

656

5262

626

2

18795962+

155

1232333

Đơn vị: CT CP Hoá chất vật liệu điện HP

Địa chỉ: 20-Lê Quýnh- Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số: 05 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày...30...tháng...12....năm2009

**Kính gửi:**.....

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Lâm Thị Tâm

Bộ phận (hoặc địa chỉ): 21 Hạ Lý – Lê Chân - Hải Phòng

Nội dung thanh toán : Thanh toán tiền mua mực in

Số tiền: 798.000 (Viết bằng chữ): Bảy trăm chín tám nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo 01 chứng từ gốc).

**Người đề nghị thanh  
toán**

(Ký, họ tên)

**Kế toán  
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

### BIỂU 2.2.2. GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Đơn vị: CT CP Hoá chất vật liệu điện HP  
Địa chỉ: 20 Lê Quỳnh – Máy Tơ – Ngô Quyền – HP

**PHIẾU CHI**

Số : 160

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

Nợ 642 :

Có 111:

Họ và tên người nhận : Lâm Thị Tâm.  
Địa chỉ : 21 Hạ Lý – Lê Chân - Hải Phòng  
Lý do chi : Thanh toán tiền mực in  
Số tiền : 798.000 (Viết bằng chữ: bảy trăm chín tám nghìn đồng.)

Kèm theo:.....01.....Chứng từ.....

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp    Thủ quỹ

**BIỂU 2.2.3. PHIẾU CHI TIỀN MẶT**

**VD2:** Ngày 29/12/2009, Anh Bùi Doãn Viên đề nghị tạm ứng tiền sửa chữa xe ô tô Ford của Công ty với số tiền 10.255.000 đồng.

- Căn cứ giấy đề nghị tạm ứng ( Biểu 2.2.4) (đã được sự đồng ý của Tổng giám đốc và kế toán trưởng), kế toán lập phiếu chi (Biểu 2.2.5)
- Từ phiếu chi, kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt (Biểu số 2.2.10), Sổ quỹ (Biểu 2.2.11)
- Từ các phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào NKCT số 1 (Biểu 2.2.12)
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 1, ghi sổ cái TK 111 (Biểu 2.2.14)
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

Đơn vị: CTCP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 20 Lê Quỳnh – Máy Tơ – Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03 – TT

Theo quy định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 29 tháng 12 năm 2009*

Kính gửi: Giám đốc CTCT Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng

Tên tôi là: Bùi Doãn Viên

Địa chỉ: Lái xe Công ty

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền : 10.255.000đ (Viết bằng chữ: Mười triệu hai trăm năm năm nghìn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Sửa chữa xe ô tô Ford

Thời hạn thanh toán: 06/01/2010

Kem theo .....chứng từ gốc

*Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2009*

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị tạm ứng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

### **BIỂU 2.2.4. GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

Đơn vị: CT CP Hoá chất vật liệu điện HP

Địa chỉ: 20 Lê Quỳnh – Máy Tơ – Ngô Quyền – HP

**PHIẾU CHI**

Số : 152

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Nợ 642 :

Có 111:

Họ và tên người nhận : Bùi Doãn Viên

Địa chỉ : Lái xe Công ty

Lý do chi : Tạm ứng

Số tiền : 10.255.000 (Viết bằng chữ: Mười triệu hai trăm năm năm nghìn đồng chẵn.)

Kèm theo : .....01..... Chứng từ.....

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp    Thủ quỹ

**BIỂU 2.2.5. PHIẾU CHI TIỀN MẶT**

*b. Kế toán nghiệp vụ thu tiền mặt tại quỹ:*

Các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm:

- ✓ Thu từ việc bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ.
- ✓ Thu tạm ứng.
- ✓ Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng.
- ✓ Các khoản thu khác...

**VD3:** Ngày 29/12/2009, Công ty TNHH Hồng Ngọc trả nợ tiền mua xút thùng cho Công ty theo hoá đơn 0068670 mua từ ngày 15/11/2009.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT bán hàng (Biểu 2.2.6), kế toán lập phiếu thu (Biểu 2.2.7)
- Từ hoá đơn GTGT và phiếu thu, kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt (Biểu số 2.2.10), Sổ quỹ (Biểu 2.2.11)
- Từ các phiếu thu, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào BK số 1 (Biểu 2.2.13)
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 1, ghi sổ cái TK 111 (Biểu 2.2.14)
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

152

5232



Đơn vị: Cty CP hoá chất VLD Hải Phòng  
Địa chỉ: 20 Lê Quýnh-NQ-HP  
Tel:031.836949 Fax:031.836254  
BTC

Mẫu số: 01 - TT  
Ban hành theo QĐ số 1141  
TC/QĐ/CKT ngày 1/11/95 của

**PHIẾU THU**  
Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Số CT: 125  
Nợ: 111  
Có: 131

Họ tên người nộp : Công ty TNHH Hồng Ngọc  
Địa chỉ : Quảng Ninh  
Lý do nộp : Trả nợ tiền mua xút thùng  
Số tiền : 51.996.000 ( bằng chữ: Năm mươi một triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn.)  
Kèm theo : .....0.....chứng từ gốc  
Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ):.....

Thủ trưởng đơn vị (ký,họ tên) tên)	Kế toán trưởng (ký,họ tên)	Kế toán thanh toán (ký, họ tên)	Người nộp (ký,họ tên)	Thủ quỹ (ký,họ
--	-------------------------------	------------------------------------	--------------------------	-------------------

### BIỂU 2.2.7. PHIẾU THU TIỀN MẶT

**VD4:** Ngày 15/12/2009 chị Tám gửi huy động vốn vào Công ty,

- Kế toán căn cứ giấy nộp tiền (Biểu 2.2.8), kế toán lập phiếu thu (Biểu 2.2.9)
- Từ phiếu thu, kế toán vào Sổ chi tiết tiền mặt (Biểu số 2.2.10), Sổ quỹ (Biểu 2.2.11)
- Từ các phiếu thu, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào BK số1(Biểu 2.2.13)
- Cuối tháng căn cứ vào NKCT số 1, ghi sổ cái TK 111(Biểu 2.2.14)

### GIẤY NỢP TIỀN

Họ và tên : Nguyễn Thị Tám

Địa chỉ : Cửa hàng hoá chất số 2

Lý do nộp : Nộp huy động vốn lãi 0.85%/quý/tháng

Số tiền : 5.258.000đ (bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm tám nghìn đồng chẵn.)

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2009

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền  
(Ký, họ tên)

### BIỂU 2.2.8. GIẤY NỢP TIỀN

Đơn vị: Cty CP hoá chất vật liệu điện Hải Phòng

Địa chỉ: 20 Lê Quỳnh-NQ-HP

Tel:031.836949 Fax:031.836254

Mẫu số: 01 - TT

Ban hành theo QĐ số 1141

TC/QĐ/CKT ngày 1/11/95 của BTC

### PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Số CT: 054

Nợ: 111

Có: 3112

Họ tên người nộp : Nguyễn Thị Tám

Địa chỉ : Cửa hàng hoá chất số 2

Lý do nộp : Nộp huy động vốn lãi 0.85%/quý/tháng

Số tiền : 5.258.000đ (bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm tám nghìn đồng chẵn.)

Kèm theo : .....1.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ):.....

Thủ trưởng đơn vị  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Kế toán thanh toán  
(ký, họ tên)

Người nộp  
(ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(ký, họ tên)

### BIỂU 2.2.9. PHIẾU THU TIỀN MẶT

CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VLĐ HẢI PHÒNG

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

*Tháng 12 năm 2009*

**Tài khoản 111 - Tiền mặt**

Dư nợ đầu ngày: **810.313.595**

Phát sinh nợ: **4.152.635.965**

Phát sinh có: **3.995.865.441**

Dư nợ cuối ngày: **967,084,119**

Ngày	SCT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
...					
5/12	005	Trả tiền mua bao bì	331		12.445.230
...					
10/12	020	Tạm ứng cho nv	141		2.500.000
...				...	
12/12	028	Mua TSCĐ	211		200.000.000
			133		20.000.000
12/12	032	Tiền hàng	13102	127.270.000	
15/12	054	Huy động vốn lãi	3112	5.258.000	
...	...	...		...	
19/12	079	trả nợ tiền hàng	13101	150.000.000	
...		...		...	
29/12	125	tiền hàng cty HN	131	51.996.000	
29/12	152	Tạm ứng	141		10.255.000
30/12	138	Tiền hàng	131	10.890.000	
30/12	160	TT mua mực in	642 133		760,000 38,000
...				...	
31/12	168	Tiền thuê kho	131	45.000.000	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.152.635.965</b>	<b>3.995.865.441</b>

**Biểu 2.2.10. SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 111**

**CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VLĐ HẢI PHÒNG**

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

*Tháng 12 năm 2009*

**Tài khoản 111 - Tiền mặt**

**Dư nợ đầu ngày: 810.313.595**

**Phát sinh nợ: 4.152.635.965**

**Phát sinh có: 3.995.865.441**

**Dư nợ cuối ngày: 967,084,119**

Ngày	Số Ctừ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	PT	PC			Thu	Chi	Tồn Quỹ
...							...
5/12		005	Trả tiền mua bao bì	331		12.445.230	987.223.105
...							...
10/12		020	Tạm ứng cho nv	141		2.500.000	956.210.489
...					...		...
12/12		028	Mua TSCĐ	211		200.000.000	996.230.154
				133		20.000.000	976.230.154
...							...
15/12	054		Thu tiền hàng	131	36.000.000		1.532.012.698
...							...
19/12	079		trả nợ tiền hàng	131	150.000.000		2.036.459.220
...			...		...		...
29/12	125		tiền hàng cty HN	131	51.996.000		2.301.598.772
29/12		152	Tạm ứng	141		10.255.000	2.291.343.772
...	...		...		...		...
30/12		160	TT mua mực in	642		760,000	972,336,459
				133		38,000	972,298,459
...			...				...

**BIỂU 2.2.11 SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có TK 111 - Tiền mặt

Tháng 12 năm 2009

**Số dư đầu tháng: 810.313.595**

Ngày	Cộng có TK 111	TK nợ 112	TK nợ 133	TK nợ 331	TK nợ 141	...	TK nợ 641	TK nợ 642
...	....					...		
3/12	205.825.105		2.682.057	168.400.000	3.025.600		523.680	182.362
...	....					...		
5/12	441.209.025	285.695.052	8.182.023		20.000.000		1.352.602	209.000
...	....					...		
8/12	35.264.002		11.501.773	115.581.460	4.000.000			
...	...					...		
28/12	402.584.365	82.314.468	343.300	264.191.182		...	2.056.202	350.265
...	....					...		
30/12	236.218.684		205.000	80.346.385	9.300.000	...	3.925.834	
<b>Cộng</b>	<b>3.995.865.441</b>	<b>380.349.153</b>	<b>56.862.021</b>	<b>1.250.251.897</b>	<b>136.250.455</b>		<b>9.500.000</b>	<b>1.727.245</b>

**Số dư cuối tháng: 967,084,119**

### BIỂU 2.2.12. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VLD HẢI PHÒNG

**BẢNG KÊ SỐ 1**  
**Ghi nợ TK 111 - Tiền mặt**  
 Tháng 12 năm 2009

**Số dư đầu tháng: 810.313.595**

Ngày	Cộng PS nợ	TK có 112	TK có 131	TK có 311	TK có 141	TK có 138	...	Dư cuối ngày
...								...
5/12	260.321.558	110.253.492		102.368.240	150.068.066			987.223.105
...	...	...			...			...
10/12	130.265.498	25.215.028	130.265.498		20.632.105			956.210.489
...	...							...
12/12	365.202.201	55.025.630		125.000.000	35.062.825			996.230.154
								976.230.154
...	...							...
15/12	110.236.543		55.210.365	75.062.020	32.582.240	55.026.178		1.532.012.698
...	...							...
19/12	265.301.459	60.869.242	150.000.000	60.982.581				2.036.459.220
<b>29/12</b>	102.682.054		<b>51.996.000</b>		40.253.100			<b>2.301.598.772</b>
...								...
<b>Cộng</b>	<b>4.152.635.965</b>	<b>560.050.250</b>	<b>1.865.478.952</b>	<b>652.103.456</b>	<b>150.068.066</b>	<b>63.201.225</b>	...	

**Số dư cuối tháng: 967,084,119**

**BIỂU 2.2.13. BẢNG KÊ SỐ 1**

## SỔ CÁI TK 111

Năm 2009

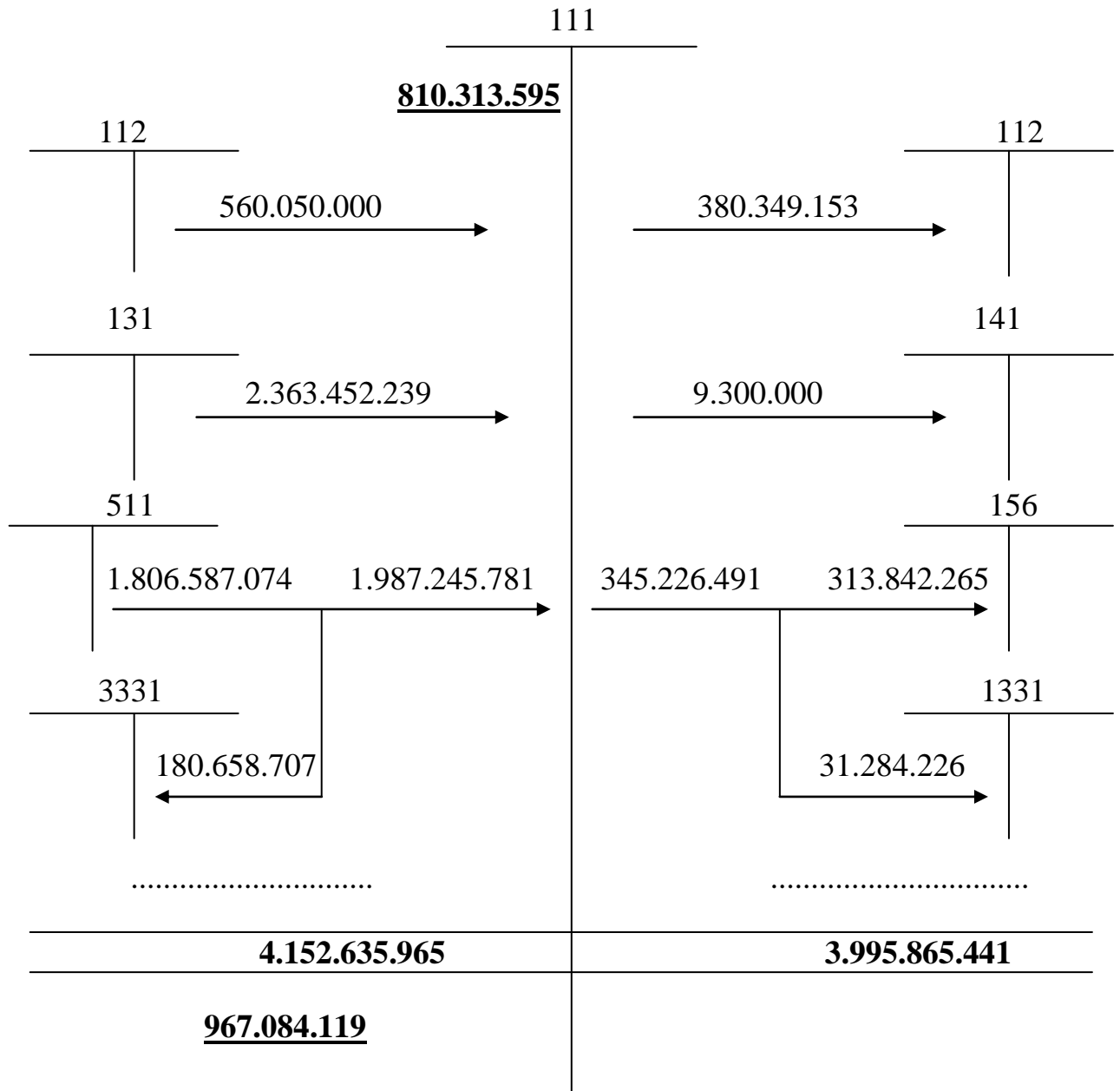
Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<b>1.546.526.290</b>	

Ghi có các TK, đối ứng nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
131		351.342.782	345.762.871	2.363.452.239	4.201.302.641
138		62.784.329	58.342.561	63.201.225	2.301.265.498
141		149.876.453	162.345.874	150.068.066	1.023.698.441
112		678.987.845	592.456.717	560.050.000	5.820.136.214
311		650.128.643	644.572.186	652.103.456	4.201.365.298
...					
Cộng số phát sinh Nợ		2.652.314.598	3.201.564.897	4.152.635.965	20.122.564.880
Cộng số phát sinh Có		2.210.236.598	3.001.256.987	3.995.865.441	20.702.007.051
Số dư cuối tháng					
Nợ		996.521.020	810.313.595	<b>967.084.119</b>	<b>967.084.119</b>
Có					

**Biểu 2.2.14. SỔ CÁI TK 111**

**2.2.1.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt:**

Từ chứng từ sổ sách đã có, cuối mỗi tháng hoặc mỗi quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 111 đưa vào bảng cân đối TK và Báo cáo kế toán. Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2009 tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.5)



**SƠ ĐỒ 2.5. KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN MẶT THÁNG 12/2009**



### 2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Công ty, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

#### ➤ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”. TK 112 có 3 tài khoản cấp 2 nhưng Công ty chỉ sử dụng hai TK cấp 2:

+ TK 1121: tiền Việt Nam: phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

TK 1121NT - Tiền Việt Nam gửi tại ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.

TK 1121ĐT - Tiền Việt Nam gửi tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển chi nhánh Hải Phòng

TK 1121EX - Tiền Việt Nam gửi tại ngân hàng Exim BANK chi nhánh Hải Phòng.

+ TK 1122 : Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

TK 1122NT- Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng.

TK 1122ĐT - Tiền ngoại tệ gửi tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển chi nhánh Hải Phòng.

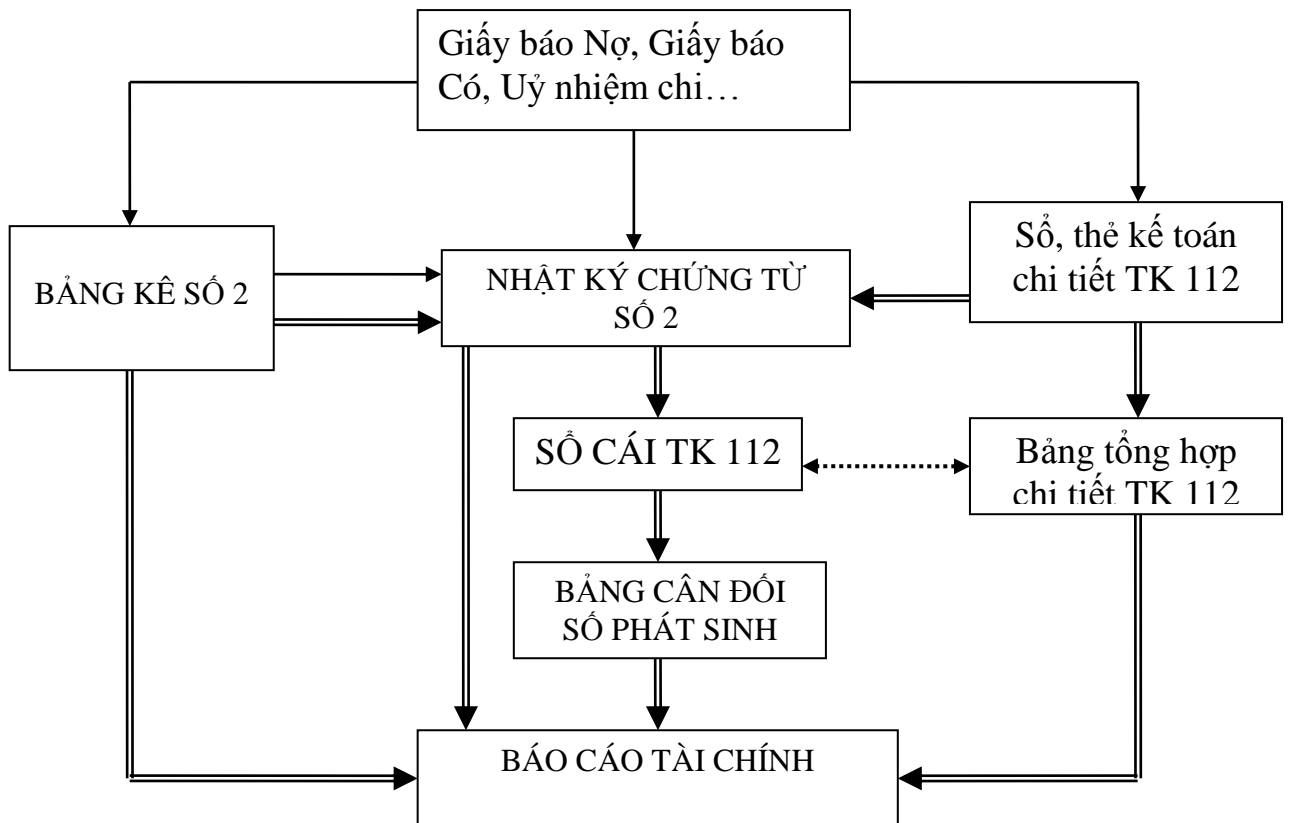
TK 1122EX - Tiền ngoại tệ gửi tại ngân hàng EXIM BANK chi nhánh Hải Phòng

➤ Các sổ sách và chứng từ Công ty sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng.

- Giấy nộp tiền
- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Sổ phụ khách hàng
- Sổ tiền gửi ngân hàng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng
- Nhật ký chứng từ số 2
- Bảng kê số 2
- Sổ cái TK 112
- Các sổ kế toán tổng hợp liên quan.

➤ **Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty:**



**SƠ ĐỒ 2.6. QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**

- Căn cứ vào các chứng từ thu, chi tiền gửi ngân hàng, hàng ngày kế toán vào sổ tiền gửi ngân hàng đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi ngân hàng. Đến cuối tháng kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư với sổ phụ ngân hàng.
- Sau khi lên sổ chi tiết kế toán cộng phát sinh hàng ngày và cuối tháng vào Bảng kê số 2 từng ngày theo hàng ngang và tài khoản theo hàng dọc tương ứng. Tương tự như vậy cho Nhật ký chứng từ số 2.
- Sau khi vào xong Bảng kê và Nhật ký chứng từ số 2, kế toán tổng hợp

đối chiếu tài khoản nợ, có sau đó lấy dòng cộng phát sinh nợ và phát sinh có vào Sổ cái TK 112

- Cuối quý kế toán tổng hợp từ số liệu Sổ cái vào Bảng cân đối số phát sinh rồi vào Báo cáo tài chính

### **2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng tại Công ty**

#### ***a. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.***

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Công ty là các Giấy báo Có, Giấy báo Nợ hoặc các Bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản... Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ đối với hoạt động tiền mặt.

**VD1:** Ngày 10/12/2009 Xí nghiệp Ngọc Quyển trả nợ tiền hàng mua theo hoá đơn GTGT số 0068680 ngày 18/11/2009 bằng chuyển khoản.

+ Căn cứ HĐ GTGT 0068680 (Biểu 2.2.15) , giấy báo Có (Biểu 2.2.16) và sổ phụ ngân hàng (Biểu 2.2.17), kế toán vào Sổ chi tiết TK 1121 (Biểu 2.2.21)

+ Căn cứ giấy báo có , sổ chi tiết kế toán vào Bảng kê số 2 ( Biểu 2.2.28)

+ Cuối tháng từ số liệu Bảng kê số 2 , kế toán vào sổ cái TK 112 ( Biểu 2.2.30)

+ Cuối quý tổng hợp số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

ngvngncf

16495+62+

NH NGOẠI THƯƠNG VN HẢI PHÒNG	<b>GIẤY BÁO CÓ</b> Ngày 10/12/2009	IBT - ONLINE
Trụ sở chính :		TK ghi nợ: 120101003
Người trả tiền : XÍ NGHIỆP NGỌC QUYÊN		
Số tài khoản :120101003		
Địa chỉ :		
NHNT Hải Phòng		
Người hưởng :CTCP HOÁ CHẤT VLĐ ( HAI PHONG CHEMICAL A)		
Số TK :003.1.00000085.2		Tại NH: VCB HAI PHONG
Số CMT :		
Địa chỉ :		
Số tiền : VND 113.998.500,0		
Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng .		
ND : Sender: 31201003. DD:271009. SHGD: 10000122. BO: XI NGHIEP NGOC QUYEN TRA TIEN MUA VAT TU.		

### BIỂU 2.2.16 GIẤY BÁO CÓ

NH NGOẠI THƯƠNG VN  
HẢI PHÒNG

### SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 10 tháng 12 năm 2009)

Tài khoản: 003.1.00.000085.2

Loại tiền: VNĐ

Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng:

Khách hàng: CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VẬT LIỆU HẢI PHÒNG

Ngày giao dịch	Đến giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				52.023.256
10/12/2009	Lê Văn Minh chuyển tiền vào TK công ty	0002850250		113.998.500
Số dư cuối ngày				166.021.756
Doanh số ngày			0	113.998.500
Tích lũy tháng			1.026.325.185	1.325.352.102
Tích lũy năm			10.351.586.854	11.025.656.157

Kế toán

Kiểm soát

### BIỂU 2.2.17. SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

**VD2:** Ngày 30/12/2009 trả tiền giấy để công ty CP Tân Việt Hưng đã mua ngày 30/11/2009 theo hoá đơn GTGT số 0065326. Tổng số tiền thanh toán là 345.397.350 VAT 10%.

+ Căn cứ vào HĐ GTGT số 0065326 (Biểu 2.2.18) , Ủy nhiệm chi (Biểu 2.2.19) , giấy báo Nợ (Biểu 2.2.20) kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 1121 ( Biểu 2.2.21)

+ Căn cứ giấy báo nợ , sổ chi tiết kế toán vào NKCT số 2 ( Biểu 2.2.30)

+ Từ số liệu NKCT số 2 , kế toán vào sổ cái TK 112 ( Biểu 2.2.31)

+ Cuối quý tổng hợp số liệu từ Bảng kê và Sổ cái lập Bảng cân đối SPS và Báo cáo tài chính.

*1325456+62*

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>	SỐ: 044	PHẦN DO NH GHI
CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN THU, LẬP NGÀY: 30/12/2009		<b>NỢ</b>
Đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng		Số hiệu NH A.....
Số tài khoản: 003.1.00.000085.2		<b>CÓ</b>
Tai ngân hàng: Ngoại thương, Thành phố Hải Phòng		Số hiệu NH B.....
Đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần Tân Việt Hưng		Loại nghiệp vụ....
Số tài khoản: 32110000004162		Ký hiệu thống kê
Tai ngân hàng: Đầu tư và phát triển, tỉnh Quảng Ninh		
Nội dung thanh toán: Trả tiền mua giấy để.		Số tiền
		<b>345.397.350</b>
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi năm triệu, ba trăm chín bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng./.		(Bằng số)
Đơn vị trả tiền	NH A Ghi sổ ngày...	NH B Ghi sổ ngày...
Kế toán    Chủ tài khoản	Kiểm soát    Trg.Ngân hàng	Kiểm soát    Trg.Ngân hàng

### BIỂU 2.2.19. ỦY NHIỆM CHI

NH NGOẠI THƯƠNG VN	Mã GDV:
HẢI PHÒNG	Mã KH:
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
<i>Ngày 30 tháng 12 năm 2009</i>	
Kính gửi: Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Nợ	: 003.1.00.000085.2
Số tiền bằng số	: 345.397.350
Số tiền bằng chữ	: Ba trăm bốn mươi năm triệu, ba trăm chín bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng
Nội dung	: Thanh toán tiền theo hoá đơn MT/2009B 0065326
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>

### BIỂU 2.2.20. GIẤY BÁO NỢ



CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VLĐ HẢI PHÒNG

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

*Tháng 12 năm 2009*

**Tài khoản 1121NT - Tiền gửi VNĐ NH ngoại thương**

**Dư nợ đầu tháng: 2.353.644.485**

**Phát sinh nợ: 2.124.697.880**

**Phát sinh có: 2.163.158.246**

**Dư nợ cuối tháng: 2.315.184.119**

Ngày	SCT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
...				...	...
4/12		Rút TGNH về quỹ TM	111		16.000.000
...					
<b>10/12</b>		<b>Khách hàng trả nợ</b>	<b>131</b>	<b>113.998.500</b>	
...				...	...
18/12		Mua hàng hoá	156		35.000.000
			133		3.500.000
...					
20/12		Tiền hàng	131	28.665.490	
...					
22/12		Phải trả người bán	331		776.090.350
24/12		Xí nghiệp trả nợ	136	79.000.000	
...					
25/12		Mua hàng hoá	156		98.006.352
			133		49.003.176
25/12		Trả nợ tiền hàng	331		26.600.000
26/12		Trả tiền thuê nhà	642		12.000.000
...					
28/12		Trả tiền hàng	331		476.999.870
<b>30/12</b>		<b>Trả tiền hàng</b>	<b>331</b>		<b>345.397.350</b>
...				...	...
		<b>Cộng</b>		<b>2.124.697.880</b>	<b>2.163.158.246</b>

**Biểu 2.2.21. SỔ CHI TIẾT TK 1121NT**

**b. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.**

**VD3:** Ngày 31/12/2009 Công ty nhận Giấy báo Có thông báo số lãi tiền gửi gốc ngoại tệ tại ngân hàng BIDV

+ Căn cứ Giấy báo Có (Biểu 2.2.22), kế toán vào Sổ chi tiết TK 1122ĐT (Biểu 2.2.27)

+ Căn cứ Giấy báo Có, Sổ chi tiết kế toán vào Bảng kê số 2 (Biểu 2.2.29)

+ Cuối tháng từ số liệu Bảng kê số 2, kế toán vào sổ cái TK 112 (Biểu 2.2.31)

+ Cuối quý tổng hợp số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG		IBT -
ONLINE		
<b>GIẤY BÁO CÓ</b>		
Ngày 31/12/2009		
Trụ sở chính	:	
Người trả tiền	:	NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
Số tài khoản	:	
Địa chỉ	:	NHĐT Hải Phòng
Người hưởng	:	CTCP HOÁ CHẤT VLĐ ( HAI PHONG CHEMICAL A)
Số TK	:	3211000047607
		Tại NH: BIDV HAI PHONG
Số CMT	:	
Địa chỉ	:	
Số tiền	:	2 USD
Hai đô la Mỹ		

**BIỂU 2.2.22. GIẤY BÁO CÓ**

**VD4:** Ngày 26/12/2009 kế toán tiền gửi ngân hàng lập Ủy nhiệm chi thanh toán tiền

hàng theo Hoá đơn GTGT 0063154

+ Căn cứ vào HĐ GTGT số 0063154 (Biểu 2.2.23) , Ủy nhiệm chi (Biểu 2.2.24), giấy báo Nợ (Biểu 2.2.25) và sổ phụ khách hàng (Biểu 2.2.26) kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 112 ( Biểu 2.2.27)

+ Căn cứ giấy báo nợ , sổ chi tiết kế toán vào NKCT số 2 ( Biểu 2.2.30)

+ Từ số liệu NKCT số 2 , kế toán vào sổ cái TK 112 ( Biểu 2.2.31)

+ Cuối quý tổng hợp số liệu từ Bảng kê và Sổ cái lập Bảng cân đối SPS và Báo cáo tài chính.

1423456+9+

96

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>	SỐ: 056	PHẦN DO NH GHI
CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN THU, LẬP NGÀY: 26/12/2009		<b>NỢ</b>
Đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng		Số hiệu NH A.....
Số tài khoản: 003122007805		<b>CÓ</b>
Tai ngân hàng: Đầu tư & Phát triển, thành phố Hải Phòng		Số hiệu NH B.....
Đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Máy tính Hoàng Cường		Loại nghiệp vụ....
Số tài khoản: 230002302504		Ký hiệu thống kê
Tai ngân hàng: Đầu tư & Phát triển, Thành phố Hải Phòng		
Nội dung thanh toán: Trả tiền mua máy vi tính.		
Số tiền <b>9.625.000 VNĐ ( tương đương với 523,81 USD)</b>		
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi năm triệu, ba trăm chín bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng. (tương đương với năm trăm hai mươi ba đô la Mỹ tám mươi một cent)		
Đơn vị trả tiền	NH A Ghi sổ ngày...	NH B Ghi sổ ngày...
Kế toán	Chủ tài khoản	Kiểm soát
	Trg.Ngân hàng	Kiểm soát
		Trg.Ngân hàng

### BIỂU 2.2.24. ỦY NHIỆM CHI

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG	Mã GD: Mã KH:
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
<i>Ngày 26 tháng 12 năm 2009</i>	
Kính gửi: Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Nợ	: 003122007805
Số tiền bằng số	: 523,81 USD
Số tiền bằng chữ	: Năm trăm hai mươi ba đô la Mỹ tám mươi một cent
Nội dung	: Thanh toán tiền theo hoá đơn AT/2009B 0063154
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>

### BIỂU 2.2.25. GIẤY BÁO NỢ

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN  
HẢI PHÒNG

**SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG**  
(Ngày 26 tháng 12 năm 2009)

Tài khoản: 003122007805

Loại tiền: USD

Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng:

Khách hàng: CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VẬT LIỆU HẢI PHÒNG

Ngày giao dịch	Dẫn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				1.025
26/12/2009	Trả tiền mua máy vi tính	0001352058	523,81	
Số dư cuối ngày				501,19
Doanh số ngày			523,81	
Tích lũy tháng			70.235	68.025
Tích lũy năm			424.362	352.621

**Kế toán**

**Kiểm soát**

**BIỂU 2.2.26. SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG**

**CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**  
**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009

**Tài khoản 1122ĐT - Tiền gửi USD NH Đầu tư**

**Dư nợ đầu kỳ: 1.008.858.972**

**Phát sinh Nợ: 25.735.606**

**Phát sinh Có: 1.020.526.097**

**Dư nợ cuối kỳ: 14.068.481**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	PS Nợ	PS Có
1/12	BNDT01	Trả nợ vay USD NHĐT	311ĐT		375.766.779
		Lãi vay USD NHĐT	6351		3.294.318
15/12	BNDT02	Bán USD trả nợ VNĐ NHĐT	112ĐT		641.465.000
15/12		Chênh lệch tỷ giá bán USD	515	25.701.750	
26/12	BNDT03	Trả tiền mua máy vi tính	153		8.750.000
		Thuế GTGT	133		875.000
31/12	BCDT01	Lãi tiền gửi NHĐT	515	32.708	
31/12		Đánh giá lại TK tiền gửi gốc ngoại tệ	413	1.148	

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**2.2.27. SỔ CHI TIẾT TK 1122ĐT**

CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Tháng 12 năm 2009

ĐVT: Đồng

STT	Đối tượng	Mã NH	SDDK		SPS		SDCK	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
<b>I</b>	<b>Tiền Việt Nam</b>		<b>4.331.416.821</b>		<b>4.335.395.055</b>	<b>3.025.682.618</b>	<b>5.641.129.258</b>	
1	NH Ngoại Thương	1121NT	2.353.644.485		2.124.697.880	2.163.158.246	2.315.184.119	
2	NH Đầu tư & Phát triển	1121ĐT	1.125.382.055		1.304.711.537	905.985.638	2.252.863.040	
3	NHEXIMBANK	1121EX	852.390.281		905.985.638	685.293.820	1.073.082.099	
<b>II</b>	<b>Ngoại tệ</b>		<b>1.195.430.959</b>		<b>789.302.825</b>	<b>1.137.475.628</b>	<b>847.258.156</b>	
1	NH Ngoại Thương	1122NT	133.939.475		113.271.961	14.793.504	232.417.932	
2	NH Đầu tư & Phát triển	1122ĐT	1.008.858.972		25.735.606	1.020.151.097	14.068.481	
3	NHEXIMBANK	1122EX	52.632.512		650.295.258	102.531.027	600.396.743	
Cộng	Tiền gửi ngân hàng		<b>5.526.847.780</b>		<b>5.124.697.880</b>	<b>4.163.158.246</b>	<b>6.488.387.414</b>	

**BIỂU 2.2.28. SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**



**CÔNG TY CP HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**BẢNG KÊ SỐ 2**

Ghi nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Tháng 12 năm 2009

**Số dư đầu tháng: 5.526.847.780**

Ngày	Cộng PS nợ	TK có111	TK có131	TK có 138	TKc6515	....	Dư cuối ngày
...							
3/12	50.000.000	50.000.000					3.654.258.492
...							...
5/12	195.205.625	38.265.495	130.636.259	26.303.871			3.964.265.488
6/12	113.698.624		113.698.624				4.015.324.865
...							...
10/12	113.998.500		113.998.500				2.673.456.238
...							...
27/12	152.320.650	41.252.550	100.000.000	11.068.100			5.682.144.962
29/12			185.000.000				5.917.144.962
...							...
30/12	214.625.000		214.625.000	10.500.000			6.225.365.202
31/12	115.336.614	63.218.542	28.427.210		32.708	...	6.340.701.816
...			...				...
<b>Cộng</b>	<b>5.124.697.880</b>	<b>380.349.153</b>	<b>2.006.325.814</b>	<b>86.254.672</b>		...	

**Số dư cuối tháng: 6.488.387.414**

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**BIỂU 2.2.29. BẢNG KÊ SỐ 2**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2**  
**Ghi có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng**  
 Tháng 12 năm 2009

**Số dư đầu tháng: 5.526.847.780**

Ngày	Cộng PS có	TK 156	TK 111	TK 133	TK 331	TK 642	TK 635	....
...							...	
4/12	334.520.990	...	16.000.000	...		130.455.690		
...								
11/12	120.980.550	35.000.000	...	3.500.000		...		
...	...							
15/12	612.783.449	...	129.778.690	30.125.283	276.090.350	...	....	
...								
25/12	332.980.750	98.006.352	...	49.003.176	26.600.000		12.897.650	
...								
26/12	564.990.822	...	129.800.765		...	23.409.788		
...	...							
28/12	338.908.230	46.258.452	56.843.748	11.235.615	129.076.489	2.356.824	...	
<b>30/12</b>	382.658.157	34.258.357			<b>345.397.350</b>	152.842		
...			...	...			...	
<b>Cộng</b>	<b>4.163.158.246</b>	<b>2.610.254.698</b>	<b>560.050.250</b>	<b>450.120.223</b>	<b>802.156.963</b>	<b>150.236.998</b>	<b>120.120.556</b>	<b>...</b>

**Số dư cuối tháng: 6.488.387.414**

**Biểu 2.2.30. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG

**SỔ CÁI TK 112**

*Năm 2009*

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<b>3.144.257.449</b>	

Ghi có các TK, đối ứng nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
131		2.087.461.478	3.011.267.346	2.006.325.814	23.902.456.721
138		92.345.676	47.256.190	86.254.672	1.546.782.458
333		263.581.902	301.572.893	289.371.392	2.476.194.673
111		230.890.136	205.713.892	380.349.153	3.403.578.215
...		...	...	...	...
...					
...					
Cộng số phát sinh Nợ		5.024.286.902	5.334.213.456	5.124.697.880	62.449.870.225
Cộng số phát sinh Có		4.208.345.718	3.044.571.284	4.163.158.246	59.105.740.260
Số dư cuối tháng					
Nợ		5.681.204.729	5.526.847.780	6.488.387.414	<b>6.488.387.414</b>
Có					

**Biểu 2.2.31. SỔ CÁI TK 112**

**2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng tại Công ty:**

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng tháng 12/2009 tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.7)

**a. Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.**

		<u>112(1121)</u>		
<u>111</u>	<u>4.331.416.821</u>		<u>111</u>	
	102.380.620			240.352.525
	→			→
<u>131</u>	1.253.683.481		<u>331</u>	
	→			2.365.352.981
	→			→
<u>511</u>	3.863.548.610		<u>156</u>	
	→			1.035.681.102
	→			→
<u>3331</u>	386.354.861		<u>1331</u>	
	←			103.568.110
	←			→
.....			<u>338</u>	
.....				3.000.000
	→			→
	<u>4.335.395.055</u>			.....
	<u>5.641.129.258</u>			<u>3.025.682.618</u>

**SƠ ĐỒ 2.6. KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG THÁNG 12/2009**

**b. Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ**

112(1122)			
111	<u>1.195.430.959</u>	240.352.525	111
	→ 277.968.533	→	
511		45.937.500	141
	→ 1.858.113.401	→	
3331		1.574.573.596	156
	← 185.811.340	→	
515		157.457.360	1331
	→ 60.332.179	→	
(Ghi nợ TK007: 45.955,26 USD)			635
.....		38.248.789	
413			
	→ 19.024.862		
		.....	
		(Ghi có TK007: 60.984,11USD)	
<u>789.302.825</u>		<u>1.137.475.628</u>	
<u>847.258.156</u>			

**SƠ ĐỒ 2.7. KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG THÁNG 12/2009**

**2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ này

## **CHƯƠNG III**

### **MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN HẢI PHÒNG**

#### **3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại Công ty.**

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị thế của chính mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước.

+ Mô hình quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng đã năng động xây dựng được mô hình quản lý khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả giúp lãnh đạo Công ty quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh. Công ty ngày càng ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế của các bạn hàng gần xa, tạo được lòng tin với khách hàng. Điều đó chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Công ty thường xuyên chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ và tay nghề cho đội ngũ công nhân viên bằng cách cho họ theo học các lớp nghiệp vụ. Đặc biệt đối với đội ngũ nhân viên văn phòng, Công ty khuyến khích họ học các lớp Đại học tại chức và Cao học. Bên cạnh đó Công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương lao động trong Công ty.

+ Về công tác kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức kế toán *Nhật ký*

chứng từ. Đây là sự lựa chọn phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô của Công ty. Hình thức kế toán này hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên giảm nhẹ khối lượng công việc mà vẫn đáp ứng được các yêu cầu quản lý của Công ty.

+ Bộ máy kế toán: Công ty tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Các cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng nó một cách linh hoạt, khoa học. Giữa các cán bộ kế toán có tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc để công việc đem lại hiệu quả cao.

## **3.2. Nhận xét về công tác kế toán Vốn bằng tiền**

### **3.2.1. Ưu điểm:**

Sau thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng dựa vào những hiểu biết, nhận thức của bản thân. Em nhận thấy công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay, cụ thể:

+ **Bộ máy kế toán:** Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty đã được quan tâm chú trọng ở một mức độ nhất định với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

+ **Hình thức kế toán:** Với hệ thống kế toán ban hành Công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Nhật ký chứng từ được áp

dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:** Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán Vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

+ **Về sổ sách kế toán:** Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt (TK 111), tiền gửi ngân hàng (TK 112) như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái các TK 111, 112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

+ **Trong hạch toán kế toán:** Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

- Hạch toán tiền mặt: Việc lập Sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với Sổ quỹ được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời

- Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào Giấy báo Nợ và Giấy báo Có cũng giúp cho kế toán theo dõi, quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn.

+ **Cập nhật thông tin:** Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính vào công tác hạch toán Vốn



bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành Công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới

+ **Đào tạo nhân lực:** Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

### 3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, cụ thể:

1) **Không sử dụng bảng kê chi tiền:** Do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi. Gây khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu kiểm tra số liệu.

2) **Không hạch toán tiền đang chuyển:** Phạm vi hoạt động của Công ty khá rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được Giấy báo Có hay Bản sao kê của ngân hàng nhưng hiện nay Công ty lại không sử dụng TK113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

3) **Việc thanh toán** thông qua hệ thống ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của Công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

4) **Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ.** Do đó không xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

5) **Chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán :** Hiện nay Công ty chưa có

phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

### **3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

#### **3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:**

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

#### **3.3.2. Mục đích, yêu cầu hoàn thiện:**

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

Với tư cách là một sinh viên thực tập được sự giúp đỡ của các thầy cô và

các cán bộ trong Công ty nhất là các cô, bác, anh , chị trong phòng Kế toán. Em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền ở Công ty .

### **3.3.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng.**

#### **3.3.3.1. Hoàn thiện về chứng từ:**

Hoàn thiện Bảng kê chi tiền: Kế toán Vốn bằng tiền nên mở Bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

Mẫu số: 09 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày....tháng.....năm....

Họ và tên người chi:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày,tháng		
A	B	C	D	1
			Cộng	

Số tiền viết bằng chữ: .....

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

**Người lập bảng kê**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

### BIỂU 3.1. BẢNG KÊ CHI TIỀN

### **3.3.3.2. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển:**

Hiện nay Công ty không sử dụng tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển” để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên Báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán vì vậy Công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

### **3.3.3.3. Về hình thức thanh toán:**

Xu thế chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán.

### **3.3.3.4. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt:**

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng

cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi Sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

+ Một bản lưu ở thủ quỹ

+ Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

Mẫu số: 08a - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006//QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:.....

Ông/Bà:.....

Ông/Bà:.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	.....
II	Số kiểm kê thực tế	x	.....
1	Trong đó: - Loại		
2	Loại		
3	Loại		
4	Loại		
5	....		
III	Chênh lệch (III = I - II)	x	

Lý do: Thừa:.....

Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ  
tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

### **BIỂU 3.1. BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**

### **3.3.3.5. Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán.**

Công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nói chung và kế toán Vốn bằng tiền nói riêng.

Hiện nay, kế toán thủ công chưa đáp ứng được yêu cầu hạch toán và yêu cầu quản lý. Để góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm được nguồn nhân lực, giảm áp lực công việc cho kế toán, giảm thiểu được những nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra. Một kế toán có thể đảm nhiệm được nhiều phần hành kế toán hơn, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó Công ty có thể lựa chọn chương trình kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại Công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất vì vậy Công ty nên mua phần mềm kế toán máy để phục vụ cho công tác kế toán. Cụ thể Công ty nên đặt mua phần mềm kế toán riêng áp dụng cho hình thức kế toán Nhật ký chứng từ. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.



## KẾT LUẬN

Công tác hạch toán kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết và rất quan trọng. Thông qua kế toán Vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của Vốn bằng tiền của doanh nghiệp, từ đó có kế hoạch sử dụng Vốn bằng tiền sao cho hợp lý, có hiệu quả để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển .

Khoá luận: “ Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng” đã đề cập được một số vấn đề sau:

- **Về mặt lý luận:** Đã đưa ra được những vấn đề chung về Vốn bằng tiền và hạch toán kế toán Vốn bằng tiền, các phương pháp hạch toán Vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

- **Về mặt thực tế:** Đã phản ánh được việc tổ chức hạch toán kế toán Vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng và lấy số liệu năm 2009 để minh chứng.

- Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành. Khoá luận đã nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng, các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tế và đều mang tính khả thi, tuy nhiên chưa thể thoát khỏi màu sắc lý thuyết. Rất mong được sự tham khảo của doanh nghiệp.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên Luận văn của em còn nhiều hạn chế và không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý của các cô chú lãnh đạo, của các anh chị trong phòng kế toán Công ty và sự chỉ dạy của các thầy cô để Khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban lãnh đạo Công ty CP Hoá chất vật liệu điện Hải Phòng, các cô, bác, anh, chị cán bộ công nhân viên tại phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu vừa qua và đặc biệt là thầy giáo đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài Khoá luận này

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2010*

*Sinh viên thực hiện:*

Nguyễn Thị Phương